



Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**TỜ TRÌNH
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ****DỰ THẢO 1**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 219/NQ-CP ngày 12/11 năm 2024 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024: “*Tổng kết, đánh giá việc thi hành pháp luật về TMĐT trong thời gian qua; nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng Luật về thương mại điện tử (TMĐT) theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”, Bộ Công Thương xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật TMĐT như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT**1. Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ về TMĐT**

Trong thời gian qua, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ trong lĩnh vực TMĐT được thể hiện trong nhiều Nghị quyết và văn bản quan trọng, trong đó nổi bật là:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề cập đến giải pháp: “*Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch, thương mại, đường sắt, bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, đẩy mạnh xã hội hóa để cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực TMĐT, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, các dịch vụ mới của nền kinh tế số...*”;

- Nghị quyết số 141/2024/QH15 của Quốc hội ngày 29/6/2024 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, trong đó Quốc hội yêu cầu Bộ Công Thương: “*Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TMĐT và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...*”;

- Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024 nêu nhiệm vụ: “*Tổng kết, đánh giá việc thi hành*

*pháp luật về TMĐT trong thời gian qua; nghiên cứu, đề xuất việc **xây dựng Luật về TMĐT** theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”;*

- Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 06/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT, kinh doanh trên nền tảng số, trong đó giao Bộ Công Thương: “...*tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, **hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý TMĐT***”.

- Công điện số 119/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/11/2024 nêu rõ: “*Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiếp tục rà soát Luật Thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để kịp thời đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách pháp luật về quản lý TMĐT*”.

- Công điện 121/CĐ-TTg ngày 26/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng yêu cầu: “*Nghiên cứu và xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu qua **TMĐT** hiện đang tạo sức ép lớn lên hàng hóa sản xuất trong nước, ảnh hưởng tới tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp nội địa*”;

- Quyết định số 165/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/02/2023 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 có nêu: “***Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho xuất nhập khẩu qua các nền tảng số, đặc biệt là qua **kênh TMĐT** xuyên biên giới, gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu quản lý của Việt Nam***”.

- Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước yêu cầu: “...*đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương*”.

- Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, trong đó giao Bộ Công Thương: “*Thực hiện quản lý nhà nước về **TMĐT**. Chủ trì, phối hợp, tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển TMĐT, chính sách và pháp luật điều chỉnh trong hoạt động TMĐT*”.

Những văn bản trên đã thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy phát triển và quản lý hiệu quả lĩnh vực TMĐT trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện và cũng đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới cần được thể chế hóa thông qua việc đề xuất xây dựng Luật TMĐT và tổ chức thực hiện.

2. Khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành chính sách pháp luật về TMĐT

TMĐT Việt Nam được các tổ chức nghiên cứu thị trường uy tín đánh giá cao (xếp thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á về quy mô năm 2024¹ và xếp thứ 5 trên thế giới về tốc độ tăng trưởng năm 2022²). Quy mô thị trường bán lẻ TMĐT B2C tăng trưởng nhanh chóng từ 2,97 tỷ đô la mỹ năm 2014 đến 20,5 tỷ đô năm 2023, trung bình tăng trưởng 20-30% cả giai đoạn³, đóng góp 8% tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước năm 2023. Thị trường TMĐT là điểm đầu tư hấp dẫn cho nhiều nhà đầu tư nước ngoài, giúp người tiêu dùng Việt Nam trở thành người tiêu dùng toàn cầu, có thể tiếp cận với cả các sản phẩm đa dạng và phong phú cả trong nước và quốc tế. Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam đã tận dụng được các nền tảng hiện đại để phát triển kênh phân phối hàng hóa, sản phẩm của mình.

Có được kết quả khả quan nêu trên là do các quy định pháp luật về cơ bản đã tạo hành lang pháp lý tương đối rõ ràng, minh bạch cho hoạt động TMĐT. Cụ thể, hiện nay, lĩnh vực TMĐT đang được điều chỉnh tập trung, chủ yếu tại hai văn bản: Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT (Nghị định 52), Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52 (Nghị định 85). Tuy nhiên, do hai văn bản trên ở cấp Nghị định nên chưa đủ để điều chỉnh các vấn đề quan trọng trong TMĐT. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, sự xuất hiện nhiều mô hình kinh doanh mới, đa dạng về mặt chủ thể, phức tạp về mặt bản chất và từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT, dẫn đến các chính sách, quy định về TMĐT đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như sau:

2.1. Cần thiết hoàn thiện hệ thống pháp luật về TMĐT

a) Về tính hài hòa, thống nhất, toàn diện, ổn định của hệ thống pháp luật về TMĐT

- Đảm bảo tính pháp lý cao hơn và ổn định hơn

Để đảm bảo tính pháp lý cao hơn và ổn định hơn của các văn bản pháp luật, cần xây dựng Luật TMĐT thay vì duy trì các văn bản ở cấp nghị định vì luật có giá trị pháp lý cao hơn nghị định, là cơ sở để điều chỉnh các vấn đề quan trọng, mang tính nguyên tắc và toàn diện trong lĩnh vực TMĐT. Nghị định phải được

¹ Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á năm 2024 của Google, Temasek & Bain Company

² <https://www.emarketer.com/chart/253485/top-10-countries-ranked-by-retail-ecommerce-sales-growth-2022-change>

³ Sách trắng TMĐT Việt Nam

ban hành trên cơ sở một luật. Nếu không có luật gốc làm cơ sở, nghị định sẽ không đủ mạnh để điều chỉnh các vấn đề quan trọng trong lĩnh vực TMĐT. Hơn nữa, TMĐT là một lĩnh vực phức tạp, liên quan đến nhiều bên, cả trong nước lẫn nước ngoài, do vậy, cần phải có một khung pháp lý ổn định, lâu dài để điều chỉnh.

- Đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện

TMĐT liên quan đến nhiều lĩnh vực như thương mại, giao dịch điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý thuế, bảo mật dữ liệu, chống gian lận thương mại... Vì vậy, quan hệ pháp luật trong lĩnh vực TMĐT hiện đang được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc các ngành luật khác nhau, như Luật Thương mại, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, và Luật An ninh mạng. Mặc dù vậy, các quy định hiện hành trong các luật chung hiện nay không đủ chi tiết, cụ thể để xử lý các vấn đề đặc thù, phức tạp của TMĐT. Để điều chỉnh chi tiết và toàn diện các vấn đề này, cần thiết phải xây dựng văn bản ở cấp luật.

- Đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo, trùng lặp

Ngoài ra, các Nghị định hiện hành chưa đồng bộ với các quy định pháp luật khác như Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Quản lý thuế, Luật Sở hữu trí tuệ,... Một số Luật liên quan đến lĩnh vực TMĐT đều mới được ban hành trong thời gian gần đây, theo đó, mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số khái niệm và quy định mới. Do vậy, việc xây dựng Luật TMĐT giúp tránh chồng chéo và mâu thuẫn pháp lý giữa các quy định.

Việc ban hành một Luật chuyên ngành TMĐT chuyên biệt sẽ không chỉ để giải quyết các vấn đề hiện tại mà còn định hình tương lai của lĩnh vực TMĐT, đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa quản lý nhà nước, quyền lợi người tiêu dùng, và lợi ích doanh nghiệp.

b) Về các mô hình TMĐT hoạt động mới chưa có quy định điều chỉnh riêng

Với sự xuất hiện của các công nghệ mới, nền tảng mới như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), thương mại qua mạng xã hội (Social Commerce), các mô hình TMĐT ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng, nhưng hiện nay chưa có quy định pháp luật điều chỉnh riêng biệt. Đặc biệt, một xu hướng phát triển nhanh chóng của TMĐT là hoạt động livestream bán hàng chỉ được điều chỉnh chung giống như một hoạt động quảng cáo đi kèm với bán hàng, mà chưa có các quy định riêng về các chủ thể tham gia livestreams (chủ tài khoản, người tham gia livestreams), các trường thông tin tối thiểu phải cung cấp cho người xem, trình độ

chuyên môn của người thực hiện livestreams, định danh chủ tài khoản và các vấn đề về kiểm soát thông tin trong quá trình phát livestreams. Việc các mô hình, xu hướng trên vượt ra ngoài phạm vi điều chỉnh của các chính sách hiện hành cũng như các vấn đề liên quan để bảo vệ dữ liệu cá nhân khiến cho việc quản lý gặp nhiều khó khăn, bất cập.

c) Về giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong thương mại

Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử đã được thừa nhận trong các văn bản pháp luật hiện hành bao gồm Luật Giao dịch điện tử 2024 và Nghị định 52. Bộ luật Tố tụng dân sự cũng chấp nhận chứng cứ điện tử. Tuy nhiên, các quy định hiện hành mang tính nguyên tắc, chưa có các quy định cụ thể về phương thức ký kết hợp đồng điện tử trong thương mại như thế nào để hợp đồng đó có giá trị làm chứng cứ. Điều này dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thường ưu tiên sử dụng phương tiện điện tử để ký kết hợp đồng, sau đó mới tiến hành giao nhận "văn bản giấy" như một biện pháp "phòng vệ" trong trường hợp xảy ra tranh chấp, đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn.

Những vướng mắc và bất cập trong việc quản lý lĩnh vực TMĐT như đã nêu ở trên đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến hệ thống pháp luật, cần được nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung theo đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới và đảm bảo theo kịp sự phát triển của các nền TMĐT trên thế giới.

2.2. Cần thiết tăng cường quản lý, giám sát trong lĩnh vực TMĐT

a) Về kiểm soát chủ thể tham gia giao dịch và lượng giao dịch

Kiểm soát người bán trên các nền tảng TMĐT vẫn đang là thách thức với cơ quan quản lý nhà nước. Văn bản pháp lý về TMĐT hiện đang giao trách nhiệm cho chủ nền tảng TMĐT trong việc xác định danh tính của người bán trong nước và nước ngoài trên sàn. Điều này dẫn đến các vấn đề:

- Khó khăn trong xác định danh tính người bán: Hiện tại, nhiều nền tảng TMĐT chưa định danh và xác thực điện tử đối với người bán, dẫn đến việc khó kiểm soát chính xác thông tin về người bán, đặc biệt là với người bán ở nước ngoài hoặc người bán không tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước cũng không nắm được một người bán hoạt động trên bao nhiêu nền tảng TMĐT.

- Khó khăn trong việc truy vết và xử lý vi phạm: Việc chưa có quy định chặt chẽ về việc xác minh và lưu trữ thông tin người bán làm cho công tác điều tra và xử lý vi phạm trong giao dịch TMĐT trở nên phức tạp. Các cơ quan chức

năng khó truy vết kho hàng hoặc đối tượng bán hàng khi có vi phạm.

- Rủi ro về gian lận và trốn thuế: Vì không có cơ chế định danh điện tử cũng như kiểm tra, giám sát toàn diện, các nền tảng TMĐT có thể bị lạm dụng để thực hiện các hoạt động gian lận hoặc trốn thuế. Các cơ quan quản lý, đặc biệt là cơ quan thuế, không thể theo dõi đầy đủ các giao dịch và hoạt động của người bán.

- Vấn đề bảo vệ người tiêu dùng: Người tiêu dùng khó có thể xác minh độ tin cậy của người bán trên các sàn TMĐT nếu thông tin về người bán không được rõ ràng và minh bạch. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tiêu dùng và làm giảm độ tin cậy của nền tảng TMĐT.

b) Về vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng

Vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng tiếp tục là mối quan ngại chung của cả thị trường thương mại truyền thống lẫn TMĐT, đồng thời nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV. Mặc dù các văn bản pháp lý về TMĐT đã quy định việc rà soát, kiểm soát và xử lý các thông tin cũng như hoạt động vi phạm, nhưng những hành vi vi phạm trong không gian mạng ngày càng trở nên tinh vi. Điều này đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng và áp dụng các công cụ quản lý hiệu quả hơn để giải quyết triệt để vấn đề.

Với các tồn tại nêu trên trong việc thực thi TMĐT, việc ban hành Luật TMĐT sẽ đảm bảo việc lấp đầy các khoảng trống pháp lý trong giám sát, kiểm soát trong lĩnh vực TMĐT.

2.3. Cần thiết tăng cường quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới

a) Về kiểm soát TMĐT xuyên biên giới

Mặc dù Nghị định 85 đã đưa ra những quy định cơ bản về điều kiện áp dụng cho các chủ thể cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới tại thị trường Việt Nam, nhưng các quy định này vẫn chưa đủ mạnh mẽ và hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều nền tảng TMĐT xuyên biên giới hoạt động tại Việt Nam mà chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý chính thức. Hơn nữa, các quy định pháp lý đối với TMĐT xuyên biên giới hiện tại nhìn chung còn "nhẹ nhàng" hơn so với các quy định áp dụng cho các chủ thể có hoạt động đầu tư chính thức tại thị trường trong nước, gây ra sự thiếu công bằng trong môi trường cạnh tranh. Ngoài ra, chưa có quy định phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan như hải quan, thuế, quản lý thị trường trong quá trình thực thi; chưa có quy định phối hợp trong quản lý và giám sát chất lượng hàng hoá, quản lý thanh toán số hay các hệ sinh

thái hỗ trợ TMĐT xuyên biên giới.

b) Về tương quan giữa hàng hóa trong nước và nước ngoài

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu và khách quan, dẫn đến sự gia tăng cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng mở cửa, kể cả trước và sau khi hình thức TMĐT xuất hiện. Tuy nhiên, cần cân nhắc các khía cạnh khác. Hiện nay, chính sách của Việt Nam không đặt ra giới hạn về số lượng hay loại hình hàng hóa nhập khẩu qua phương thức TMĐT. Trong khi đó, nhiều quốc gia khác áp dụng các quy định chặt chẽ đối với hàng hóa nhập khẩu qua TMĐT. Điều này vô hình chung tạo ra sự bất lợi và một sân chơi không công bằng cho hàng hóa Việt Nam khi tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Việc các quốc gia đã xây dựng luật riêng hoặc các chính sách riêng về TMĐT để điều chỉnh và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này, trong đó có những quy định chặt chẽ về TMĐT xuyên biên giới, đặt ra các bài toán cho cơ quan quản lý của Việt Nam trong việc đảm bảo cạnh tranh nhưng cũng hài hòa, đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực TMĐT.

2.4. Cần thiết đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền cho địa phương trong lĩnh vực TMĐT

Hiện nay, toàn bộ 15 thủ tục hành chính liên quan đến TMĐT đều được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và miễn phí trên Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương. Các TTHC này hiện đều là TTHC cấp Trung ương, do tính chất không phụ thuộc vào địa giới hành chính cũng như sự phức tạp trong việc xử lý hồ sơ. Theo số liệu thống kê, số lượng website/ứng dụng TMĐT cung cấp dịch vụ TMĐT đã hoàn thành thủ tục pháp lý với Bộ Công Thương tăng từ 106 năm 2013 đến 48.348 năm 2023, số lượng website/ứng dụng TMĐT bán hàng hoạt động hợp pháp tăng từ 647 năm 2013 đến 1.218 năm 2023.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về phân cấp, phân quyền trong bối cảnh số lượng các website/ứng dụng TMĐT và số lượng giao dịch TMĐT trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, việc phân cấp, phân quyền cho địa phương trong xử lý các TTHC thuộc lĩnh vực TMĐT cần được tính đến. Việc phân cấp và phân quyền này đảm bảo việc cải cách hành chính, tăng cường phân cấp quản lý, và cũng nhằm tạo điều kiện để địa phương chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm nhiều hơn trong phát triển và quản lý hoạt động TMĐT.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Trên thế giới hiện có nhiều nước đã xây dựng Luật TMĐT, cụ thể:

Malaysia, Campuchia, Philipines, Hungary, Rumani, Macedonia, Ireland, Malta, Luxembourg, Iran, Trung Quốc,... Nhìn chung, nhiều nước xây dựng Luật TMĐT dựa trên những khái niệm và nguyên tắc của Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL, trong đó, về cơ bản các nước công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu điện tử nhằm tạo ra môi trường pháp lý an toàn cho các hoạt động TMĐT.

Một số nước khác tuy không xây dựng Luật TMĐT nhưng đã có những văn bản điều chỉnh riêng cho lĩnh vực này. Chẳng hạn, Ủy ban châu Âu ban hành Chỉ thị về TMĐT vào năm 2000 (Directive 2000/31/EC on electronic commerce) và gần đây là Đạo luật Kỹ thuật số (Digital Markets Act). Indonesia ban hành Quy định số 80/2019 về TMĐT (Reg 80/2019), Quy định số 31/2024 về cấp phép kinh doanh, quảng cáo, hướng dẫn và giám sát các doanh nghiệp thương mại qua hệ thống điện tử (thay thế Quy định số 50/2020)...

Mặt khác, một số nước xây dựng luật liên quan đến TMĐT từ góc độ bảo vệ người tiêu dùng với mục đích nâng cao niềm tin của người tiêu dùng đối với TMĐT từ đó thúc đẩy lĩnh vực này phát triển lành mạnh, bền vững. Nhật Bản ban hành Luật Bảo vệ người tiêu dùng mua sắm trên các nền tảng số (Act on the Protection of consumers who use digital platforms for shopping). Hàn Quốc ban hành Luật Bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT (Act on the Consumer protection in electronic commerce). Ấn Độ ban hành Quy định về TMĐT năm 2020 (Consumer Protection (E-commerce) Rules) theo quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2019.

Nhìn chung, kinh nghiệm xây dựng khung khổ pháp luật về TMĐT của đa số các quốc gia và khu vực cho thấy quan điểm thống nhất của các bên trong việc không thể coi TMĐT chỉ là một phương thức hoạt động thương mại mà cần phải đặt TMĐT là một phương thức hoạt động thương mại đặc biệt, tiềm ẩn nhiều phức tạp, cần có văn bản pháp lý riêng biệt điều chỉnh các khía cạnh đặc thù của lĩnh vực này.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, để phù hợp với xu thế chung của thế giới, Việt Nam rất cần xây dựng Luật TMĐT để điều chỉnh toàn diện lĩnh vực này, góp phần bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, và tạo động lực để Việt Nam phát triển kinh tế số.

II. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

- Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện thể chế về TMĐT.

- Thẻ chế hóa, nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Thống nhất hệ thống pháp luật về TMĐT trong mối tương quan với các luật khác, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
- Giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bất cập, hạn chế trong thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT trong thời gian vừa qua cũng như để phù hợp với xu thế đổi mới do công nghệ số đã làm thay đổi và định hình lại tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực TMĐT.
- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về TMĐT theo hướng khuyến khích sáng tạo trong việc xây dựng và thực thi quy định, bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng; tạo động lực cho cạnh tranh và phát triển sáng tạo của doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích hoạt động của các tổ chức xã hội, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về TMĐT; tạo điều kiện cho TMĐT phát triển bền vững, có trật tự, làm động lực cho sự phát triển của nền kinh tế số.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan; Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.
- Bảo đảm phù hợp với thực tế, tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành trong thực tiễn.
- Tham khảo và kế thừa có chọn lọc các quy định hiện hành, các kinh nghiệm quốc tế; bảo đảm tính thống nhất của quy định với hệ thống pháp luật và tương thích với cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.
- Xây dựng pháp luật với tư duy quản lý linh hoạt theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Các quy định của pháp luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài. Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc.
- Thực hiện cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về TMĐT theo tinh thần của Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Về phạm vi điều chỉnh

Luật TMĐT quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động TMĐT.

2. Về đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TMĐT trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:

- Thương nhân, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam;
- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành, xác định các nội dung cần thiết cần bổ sung hoàn thiện để hoạch định chính sách về TMĐT trong thời gian tới, Bộ Công Thương xác định một số chính sách lớn sau đây:

1. Chính sách 01: Bổ sung và thống nhất các khái niệm theo các quy định pháp luật hiện hành

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Năm 2023, Quốc hội ban hành hai Luật có tác động trực tiếp tới lĩnh vực TMĐT và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, bao gồm: Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các Luật này đã đưa ra những khái niệm mới liên quan đến hoạt động kinh doanh trên môi trường Internet bao gồm “nền tảng số”, “nền tảng số trung gian”, “nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử”, “nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử”. Bên cạnh đó, một số khái niệm khác như “doanh nghiệp dẫn đầu thị trường cung cấp dịch vụ TMĐT”, “tài khoản báo cáo trực tuyến”, “cập nhật số liệu theo thời gian thực”, “tiếp thị liên kết”,... cũng chưa có định nghĩa chi tiết. Hơn nữa, các khái niệm tại Nghị định 52 và Nghị định 85 chưa thực sự phù hợp với các khái niệm trong Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2003. Sự không rõ ràng và thiếu thống nhất trong định nghĩa các khái niệm này dẫn đến nhiều hệ lụy:

- Thứ nhất, khó khăn trong thực thi pháp luật: Khi không có định nghĩa cụ thể, các cơ quan chức năng gặp trở ngại trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Điều này tạo ra lỗ hổng pháp lý mà các đối tượng xấu có thể lợi dụng để trốn tránh trách nhiệm hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hơn nữa, các khái niệm mới của Luật như nền tảng số TMĐT, nền tảng số trung gian TMĐT sẽ bao quát rộng hơn, phổ quát hơn cách tiếp cận trước đây là đi vào loại hình thể

hiện cụ thể của công nghệ như website, ứng dụng mà không đi vào bản chất loại hình dịch vụ cung cấp.

- Thứ hai, bất lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng: Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh gặp khó khăn trong việc tự đánh giá và tuân thủ các quy định pháp luật khi không biết mình thuộc đối tượng điều chỉnh nào. Người tiêu dùng cũng không được bảo vệ một cách toàn diện do khoảng trống trong quy định pháp lý về các dịch vụ và sản phẩm mới phát sinh trên nền tảng số.

- Thứ ba, cản trở sự phát triển của thị trường: Sự mơ hồ trong pháp luật khiến các doanh nghiệp e ngại khi đầu tư và phát triển các mô hình kinh doanh mới, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ TMĐT như tiếp thị liên kết, giao hàng chặng cuối và các nền tảng số trung gian, v.v... Khi chưa làm rõ được các định nghĩa, thuật ngữ mới dẫn tới chưa kịp thời hoặc khó khăn khi điều chỉnh các loại hình hoạt động mới, các dịch vụ mới tại các văn bản dưới Luật. Điều này kìm hãm sự đổi mới và cạnh tranh, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của kinh tế số Việt Nam.

- Thứ tư, việc thiếu khái niệm đồng bộ cũng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phối hợp liên ngành. Nền tảng số trong lĩnh vực TMĐT thường liên quan đến nhiều ngành khác nhau, từ công nghệ thông tin, công an, thuế, hải quan, quản lý doanh nghiệp đến quản lý thị trường. Khi khái niệm không được định nghĩa rõ ràng, việc phối hợp giữa các cơ quan gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự chông chéo trong thực thi pháp luật.

- Thứ năm, khó khăn trong hội nhập quốc tế: Thiếu các khái niệm thống nhất làm cho pháp luật Việt Nam không đồng bộ với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, gây trở ngại trong việc hợp tác và giao thương với các đối tác nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT xuyên biên giới, thương mại số đang trở thành xu thế tất yếu toàn cầu trong bối cảnh nền kinh tế số trở nên hết sức sôi động.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Quy định rõ khái niệm nền tảng số, nền tảng số trung gian và các khái niệm khác phù hợp với lĩnh vực TMĐT và đảm bảo hài hòa với các Luật khác hiện hành.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1A: Bổ sung và thống nhất các khái niệm

Bổ sung các khái niệm như “Nền tảng số trong TMĐT”, “Nền tảng số trung

gian trong TMĐT”, “Doanh nghiệp dẫn đầu thị trường”, “Tiếp thị liên kết”, v.v... phù hợp với Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 và các Luật khác.

Phương án 1B: Giữ nguyên quy định hiện hành

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

1.4.1. Phương án 1A: Bổ sung và thống nhất các khái niệm

- Tạo khung pháp lý rõ ràng và minh bạch: Khi các khái niệm như "nền tảng số trong TMĐT", "nền tảng số trung gian", "doanh nghiệp dẫn đầu thị trường", "tiếp thị liên kết", "chủ quản nền tảng số trung gian", được định nghĩa thống nhất, pháp luật sẽ trở nên dễ hiểu hơn. Điều này giúp giảm thiểu sự mơ hồ, tránh những diễn giải khác nhau gây khó khăn trong quá trình áp dụng và thực thi.

- Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật: Việc có các khái niệm thống nhất giúp cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm một cách hiệu quả hơn. Các hành vi vi phạm sẽ được xác định rõ ràng, từ đó tăng cường tính răn đe và đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm túc. Ví dụ tại Nghị định 52 và Nghị định 85 sử dụng khái niệm chủ sở hữu website TMĐT bán hàng và thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT. Do vậy, khái niệm nhầm lẫn làm cho khó xác định chủ quản thực sự là đơn vị nào. Khi đó cơ quan chức năng xử phạt sẽ rất lúng túng khi áp dụng.

- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và doanh nghiệp: Thống nhất các khái niệm giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trước các hành vi gian lận trực tuyến. Doanh nghiệp cũng hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó hoạt động kinh doanh minh bạch và tuân thủ pháp luật.

- Thúc đẩy sự phát triển của thị trường TMĐT: Một khung pháp lý rõ ràng sẽ khuyến khích sự đổi mới và đầu tư vào lĩnh vực TMĐT. Doanh nghiệp sẽ tự tin hơn khi triển khai các mô hình kinh doanh mới, góp phần thúc đẩy kinh tế số phát triển mạnh mẽ.

- Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ với pháp luật quốc tế: Việc bổ sung và thống nhất khái niệm giúp đồng bộ hóa pháp luật trong nước với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho TMĐT xuyên biên giới.

- Ngăn ngừa và xử lý vi phạm hiệu quả hơn: Khi các khái niệm được định nghĩa cụ thể, việc xác định trách nhiệm pháp lý trở nên dễ dàng hơn. Điều này giúp ngăn chặn các hành vi lợi dụng kẽ hở pháp luật, bảo vệ môi trường kinh

doanh lành mạnh.

- Tạo điều kiện cho việc áp dụng công nghệ mới: Trong bối cảnh công nghệ phát triển không ngừng, việc có các khái niệm thống nhất giúp pháp luật linh hoạt ứng phó với những thay đổi và tiếp cận nhanh chóng các xu hướng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, blockchain,...

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước:

+ Tăng thu Ngân sách nhà nước: Khi khung pháp lý rõ ràng, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMĐT sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế. Điều này giúp nâng cao hiệu quả thu thuế, đảm bảo nhà nước thu đúng và đủ các khoản thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, và các loại thuế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh trực tuyến.

+ Tối ưu hóa nguồn lực và giảm thất thoát ngân sách: Khi hoạt động TMĐT được quản lý hiệu quả, nhà nước sẽ giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại, bảo toàn nguồn lực tài chính để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên khác như giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng.

- Đối với doanh nghiệp, người dân:

+ Không phát sinh thêm chi phí

+ Phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo: Việc định nghĩa rõ ràng các khái niệm giúp khuyến khích sự sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới. Các nền tảng số và mô hình kinh doanh mới như tiếp thị liên kết, nền tảng số đa dịch vụ, v.v... sẽ được hỗ trợ và thúc đẩy, đóng góp vào sự chuyển đổi số của nền kinh tế.

+ Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa: Các doanh nghiệp này sẽ dễ dàng tiếp cận thị trường, giảm bớt rào cản pháp lý và tận dụng cơ hội kinh doanh trong môi trường trực tuyến, từ đó đóng góp vào sự đa dạng và năng động của nền kinh tế.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước:

+ Cải thiện hiệu quả quản lý nhà nước: Nhờ có các khái niệm thống nhất, cơ quan quản lý có thể giám sát và điều phối thị trường một cách hiệu quả hơn, giảm chi phí và nguồn lực cho việc giải thích và thực thi pháp luật. Điều này cũng giúp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

+ Tăng cường hội nhập quốc tế: Pháp luật đồng bộ với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế sẽ giúp Việt Nam nâng cao vị thế trên trường quốc tế, mở rộng hợp tác thương mại.

- Đối với người dân, doanh nghiệp:

+ Thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế: Một hệ thống pháp luật minh bạch và thống nhất sẽ tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Doanh nghiệp sẽ tự tin mở rộng quy mô, đầu tư vào công nghệ và nhân lực, từ đó tạo ra nhiều việc làm mới và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

c) Tác động về môi trường: Hệ thống pháp luật quy định trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT và các chính sách thúc đẩy phát triển TMĐT theo hướng xanh, bền vững sẽ giúp hỗ trợ nâng cao hiệu hoạt động môi trường nhờ những giải pháp, quy định và tiêu chí đánh giá TMĐT bền vững.

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật:

- Bộ máy Nhà nước: Phương án này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động TMĐT.

- Các điều kiện đảm bảo thi hành: Phương án này không tác động về các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Phương án này không tác động đến quyền cơ bản của công dân.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Phương án này không có tác động tới việc thực hiện các điều ước quốc tế.

1.4.2. Phương án 1B: Giữ nguyên quy định hiện hành

Nếu thực hiện phương án này, các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở phần 1.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 1A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 1A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban

hành là Quốc hội.

2. Chính sách 02: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ liên quan

2.1. Xác định vấn đề bất cập

2.1.1. Bất cập về quy định đối với các hình thức hoạt động TMĐT

Trong thực tiễn hiện nay, bên cạnh những mô hình hoạt động TMĐT đã được quy định tại Nghị định 52, một số mô hình hoạt động TMĐT mới đã phát sinh như hoạt động TMĐT trên mạng xã hội, hoạt động TMĐT xuyên biên giới, hoạt động TMĐT của nhà đầu tư nước ngoài, mua sắm qua livestream với sự tham gia của những người nổi tiếng, có ảnh hưởng trên mạng xã hội, nhóm mặt hàng kinh doanh có điều kiện như rượu, mỹ phẩm, dược phẩm nhưng được tư vấn bởi người không có chuyên môn... Hơn nữa, các trách nhiệm của chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, các nền tảng số TMĐT chưa được quy định chưa đầy đủ, chưa đáp ứng quy định về quản lý và sự phát triển của xã hội. Cùng với sự phát triển của công nghệ, dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục có thêm những mô hình hoạt động TMĐT xuất hiện. Với những quy định hiện tại, pháp luật chưa đủ linh hoạt để thích ứng với tốc độ thay đổi nhanh chóng của thị trường và công nghệ.

2.1.2. Bất cập về trách nhiệm các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT

- Đối với các nền tảng số trung gian TMĐT: Hiện tại, hệ thống pháp luật về TMĐT quy định trách nhiệm của các chủ sàn TMĐT (nền tảng số trung gian TMĐT) đã được quy định rải rác ở một số văn bản như Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và một số Nghị định điều chỉnh từng khía cạnh khác nhau, chưa có sự thống nhất. Ngoài ra, các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT (nền tảng số trung gian TMĐT) hiện hành quy định tại Nghị định 85 và Nghị định 52 chưa đáp ứng tốt công tác bảo vệ người tiêu dùng như vấn đề định danh người bán, minh bạch thông tin người bán, thông tin hàng hóa, thông tin về đánh giá hàng hóa, dịch vụ bán ra trên các nền tảng số TMĐT, thông tin về đầu mối giải quyết khiếu nại, cơ chế phản ứng nhanh để giải quyết ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp trực tuyến, chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại, cơ chế kết nối, chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ thông tin hàng hóa bán ra trên các nền tảng số TMĐT lâu dài để phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống các hành vi vi phạm trong TMĐT... Tại Nghị quyết 09/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2024, Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương nghiên cứu, sửa đổi theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm

quyền sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT để định danh người bán trên các sàn TMĐT thông qua VNeID. Việc nâng cao trách nhiệm của các nền tảng số trung gian TMĐT trong việc triển khai giải pháp định danh người bán sẽ giảm thiểu nhiều rủi ro như lừa đảo, chiếm đoạt tài sản hay các vấn đề về gian lận thương mại và hàng giả, hàng nhái, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng số TMĐT.

- Đối với các nền tảng mạng xã hội và các nền tảng số đa dịch vụ: thực trạng hiện nay, một số mạng xã hội không chỉ là nơi người bán và người mua trao đổi thông tin về hàng hóa, dịch vụ trước khi tiến hành giao dịch mà còn cung cấp một số tính năng hỗ trợ giao dịch TMĐT. Người bán trên mạng xã hội chủ yếu là hộ gia đình và cá nhân. Phần lớn họ chưa nắm vững quy định pháp luật về TMĐT nên chưa có ý thức tuân thủ pháp luật, bao gồm các quy định tại Nghị định về TMĐT. Trong khi đó người mua trên các mạng xã hội thường là cá nhân, thông thường họ giao kết hợp đồng vì tin tưởng vào người bán hoặc cộng đồng. Giá trị giao dịch thường không lớn. Khi có tranh chấp họ thường không nhận được sự hỗ trợ của đơn vị vận hành mạng xã hội, đồng thời khó khai thác sự hỗ trợ của các tổ chức khác như cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng, Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng, trọng tài hay tòa án. Bên cạnh đó, cùng với sự thay đổi của văn hóa tiêu dùng, thay đổi của công nghệ và để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, đồng thời, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, các nền tảng số trung gian TMĐT trong các lĩnh vực như gọi xe công nghệ, dịch vụ tài chính – ngân hàng..., đều nỗ lực thay đổi, làm mới sản phẩm. Xu hướng biến ứng dụng (app) thông thường thành siêu ứng dụng (super app) hay ứng dụng đa dịch vụ nhằm cung cấp các tiện ích, dịch vụ tích hợp trong một ứng dụng di động ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, để quản lý và phân loại những loại hình ứng dụng như này còn là khoảng trống pháp lý cần phải điều chỉnh.

- Đối với các chủ thể tham gia cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới và người bán nước ngoài trên các nền tảng số: Hiện chưa có cơ chế hiệu quả để quản lý và thu thuế từ các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ vào Việt Nam, dẫn đến thất thu ngân sách và khó khăn trong việc bảo vệ người tiêu dùng. Ngoài ra, hàng hóa nhập khẩu qua kênh TMĐT khó kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm, gây nguy hại cho người tiêu dùng. Hơn nữa, trong trường hợp các nền tảng này không tuân thủ pháp luật Việt Nam thì cũng chưa có cơ chế, cơ sở pháp lý để ngăn chặn hay yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT như Logistics, thanh toán... ngưng hợp tác. Ngoài ra, hiện tượng các người bán nước ngoài bán trên các nền tảng số TMĐT chưa được xác thực dẫn tới việc khách hàng mua hàng mà không biết người bán là ai, được bảo vệ như nào... đồng thời

nếu đổi trả hàng thì ai sẽ chịu trách nhiệm liên quan.

- Đối với người bán trên các nền tảng số TMĐT: khi người bán trên nền tảng số TMĐT chưa được xác định rõ ràng, người tiêu dùng bị đặt vào tình thế bấp bênh. Nhưng không chỉ người tiêu dùng chịu thiệt hại, sự gia tăng của những người bán ẩn danh mở ra cánh cửa cho hàng giả, hàng nhái tràn lan trên thị trường. Khi không biết rõ ai là người bán, cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc thực thi pháp luật chống lại việc phân phối sản phẩm giả mạo hoặc không đạt tiêu chuẩn. Điều này không chỉ gây hại cho doanh nghiệp hợp pháp tuân thủ quy định, mà còn đặt ra rủi ro nghiêm trọng về sức khỏe và an toàn cho cộng đồng. Từ góc độ kinh tế, người bán chưa được định danh gây khó khăn trong việc thu thuế. Khi người bán hoạt động mà không có định danh hợp lệ, họ thường trốn thuế, dẫn đến thất thu ngân sách cho nhà nước. Hơn nữa, việc không thể giữ người bán chịu trách nhiệm cản trở khả năng pháp lý trong việc xử lý gian lận và các hoạt động bất hợp pháp khác. Cơ quan thực thi pháp luật gặp khó khăn trong việc truy tìm và truy tố những kẻ vi phạm, tạo ra cảm giác vô trách nhiệm có thể khuyến khích hành vi thiếu đạo đức. Sự thiếu trách nhiệm này cũng cản trở việc thực thi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khiến người mua hầu như không có sự hỗ trợ khi xảy ra vấn đề. Tình trạng này còn tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh. Doanh nghiệp hợp pháp tuân thủ yêu cầu đăng ký và nộp thuế bị bất lợi so với những người bán ẩn danh lách luật. Điều này có thể làm nản lòng tinh thần kinh doanh và đổi mới, kìm hãm tiến bộ chung của ngành TMĐT.

- Đối với người tiêu dùng: Người tiêu dùng tham gia mua sắm trực tuyến hiện nay đang gặp khó khăn vì thiếu minh bạch thông tin sản phẩm, dịch vụ và thông tin của người bán như địa chỉ, điện thoại liên hệ hay các phương tiện khác. Thậm chí trong đơn hàng nhận được cũng không có thông tin về người bán. Đồng thời, cơ chế giải quyết tranh chấp trên môi trường trực tuyến chưa hiệu quả, khiến người tiêu dùng ít được bảo vệ khi quyền, lợi ích bị xâm phạm. Trong nhiều trường hợp, người mua hàng và người bán không giải quyết được mâu thuẫn phát sinh trong quá trình giao dịch nhưng lại không có cách nào để liên hệ với chủ quản nền tảng số trung gian để khiếu nại hoặc không có công cụ để thực hiện khiếu nại trực tuyến hoặc trực tiếp do các nền tảng này ít công khai thông tin cụ thể mà thường sử dụng số tổng đài, gây khó khăn cho người tiêu dùng.

2.1.3. Bất cập trong phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT

Trước đây, khi TMĐT mới xuất hiện và bản chất TMĐT là hoạt động không bị giới hạn bởi địa lý, nhằm đảm bảo công tác quản lý từ trung ương tới địa

phương, Nghị định 52 đã quy định giao Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận và xử lý toàn bộ hồ sơ thông báo, đăng ký đối với website/ ứng dụng TMĐT và hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm cũng như là hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển của TMĐT, các thương nhân, tổ chức cá nhân có xu hướng xây dựng website và ứng dụng để bán hàng hóa của mình với chi phí rẻ và nhanh chóng đã làm tăng nhanh số lượng website, ứng dụng TMĐT, đặc biệt là website TMĐT bán hàng. Mỗi năm Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý khoảng trên 10.000 hồ sơ thông báo website/ ứng dụng TMĐT bán hàng và khoảng 1.000 hồ sơ thông báo website/ ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT. Trong khi đó, thực tế các doanh nghiệp thiết lập website TMĐT bán hàng để bán hàng hóa dịch vụ của mình thì có địa chỉ cố định tại địa phương và đa phần bán hàng trên địa phương đó. Còn các nền tảng số trung gian TMĐT sẽ là nơi tập hợp các người bán trên cả nước và bán hàng hóa đi toàn quốc, thậm chí nước ngoài. do vậy, để thuận tiện cho công tác quản lý, giám sát và thống kê cũng như xây dựng các chính sách phù hợp cho các địa phương, cần có sự phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT tại trung ương và địa phương nhằm định rõ phạm vi quản lý, các loại hình nền tảng số TMĐT nào do cấp nào quản lý, đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương. Bên cạnh đó, thông qua tuyên truyền, phổ biến, trao đổi nâng cao nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ của các cán bộ công chức phụ trách hoạt động TMĐT tại địa phương ngày càng được hoàn thiện.

Ngoài ra, đây cũng là chủ trương lớn của Chính phủ, được chỉ đạo cụ thể tại văn bản số 856/TTg-TCCV Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Kế thừa những quy định hiện hành tại Nghị định 52, đảm bảo xác định chính xác những mô hình hoạt động TMĐT (website/ứng dụng TMĐT, website/ứng dụng cung cấp dịch vụ, mạng xã hội có tính năng đặt hàng trực tuyến, các website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới, v.v...), các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT.

- Đảm bảo không bỏ sót các mô hình hoạt động TMĐT và các chủ thể tham gia.

- Đảm bảo quy định đầy đủ, rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể để nâng cao hiệu quả thực thi các quy định.

- Đảm bảo tính phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, không phát sinh mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản đang có hiệu lực.

- Đảm bảo minh bạch về thẩm quyền, rõ ràng về giới hạn trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 2A: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Kế thừa những quy định hiện hành của Nghị định 52 về các hình thức, chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể.

Bổ sung các hình thức tổ chức hoạt động TMĐT mới xuất hiện gần đây.

Bổ sung quy định về định danh người bán trên sàn TMĐT.

Bổ sung quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia vào hoạt động TMĐT.

Phân cấp, phân quyền khi thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký website, ứng dụng TMĐT.

Phương án 2B: Giữ nguyên như hiện tại.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

2.4.1. Phương án 2A: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước

Với việc các người bán trên các sàn TMĐT được định danh và quản lý chặt chẽ hơn, việc thu thuế sẽ hiệu quả hơn, giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thuế. Điều này đóng góp vào ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với hoạt động TMĐT xuyên biên giới, những quy định được đưa ra phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thuế, hải quan nhằm kiểm soát hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài, từ đó, bảo vệ thị trường nội địa và tăng nguồn thu từ thuế nhập khẩu.

- Đối với doanh nghiệp, người bán

Việc luật hóa những quy định về hình thức tổ chức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể sẽ tạo khung pháp lý ổn định, vững chắc, giúp doanh nghiệp trong và ngoài nước yên tâm đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT. Từ đó, giảm thiểu sự mơ hồ và tranh chấp pháp lý, giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, người bán trong việc tuân thủ và thực thi pháp luật.

Ngoài ra, Luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người bán Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua TMĐT.

- Đối với người tiêu dùng

Khi các hoạt động TMĐT được quản lý chặt chẽ theo luật, người tiêu dùng sẽ cảm thấy an tâm hơn khi mua sắm trực tuyến, từ đó, gia tăng nhu cầu tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, việc quy định cụ thể trách nhiệm của người bán, các nền tảng TMĐT, quyền khiếu nại và phương thức giải quyết tranh chấp giúp bảo vệ người tiêu dùng khỏi các hành vi lừa đảo, hàng giả, hàng kém chất lượng.

b) Tác động về xã hội

- Đối với Nhà nước

Luật sẽ quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan, giúp tránh chồng chéo và mâu thuẫn trong quản lý. Ngoài ra, cũng đòi hỏi sự hợp tác giữa các cơ quan liên quan như Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước, giúp đồng bộ hóa chính sách và chia sẻ thông tin.

Đối với những hình thức tổ chức hoạt động TMĐT mới, cơ quan nhà nước sẽ cần phải mở rộng hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra nhiều hơn, bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

- Đối với doanh nghiệp, người bán

Bổ sung những quy định liên quan đến hình thức tổ chức hoạt động TMĐT sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia tích cực hơn vào thị trường TMĐT, chuyển đổi số, áp dụng các mô hình kinh doanh mới, sử dụng công nghệ hiện đại. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng được thúc đẩy minh bạch trong hoạt động, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, từ đó xây dựng uy tín và niềm tin trong cộng đồng.

- Đối với người tiêu dùng

Việc bổ sung, quy định rõ quyền và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT sẽ giúp người dân hiểu rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong TMĐT, từ đó thay đổi thói quen tiêu dùng và văn hóa mua sắm, thúc đẩy hành vi tiêu dùng có trách nhiệm.

Luật cũng sẽ giúp ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh hàng hóa vi phạm, bảo vệ sức khỏe và an toàn của người dân, đồng thời quy định về nội dung số, quảng cáo và bán hàng trực tuyến sẽ bảo vệ trẻ em khỏi những nội dung xấu, độc hại, không phù hợp.

c) Tác động về môi trường: Không tác động thay đổi về môi trường

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan ở các cấp trung ương và địa phương không phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động TMĐT của địa phương, đồng thời, giảm khối lượng xử lý thủ tục hành chính tại cơ quan trung ương. Tuy nhiên, cần thời gian đào tạo, tập huấn để các cán bộ, công chức quản lý nhà nước ở địa phương có thể thành thạo thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với hoạt động TMĐT, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

2.4.2. Phương án 2B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 2.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 2A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 2A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

3. Chính sách 03: Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Nghị định 52 có nhắc đến trách nhiệm của các đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ TMĐT như logistics; tuy nhiên, do là văn bản dưới luật và chỉ hướng dẫn quy định về hoạt động TMĐT, Nghị định thiếu các quy định cụ thể và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn trong việc quản lý các mô hình trung gian hỗ trợ TMĐT, chưa bao quát được các dịch vụ hỗ trợ TMĐT như các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), và các đơn vị cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing); Nghị định cũng chưa có những quy định rõ ràng về việc các đơn vị trung gian phải có cơ chế để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng hay cơ chế phối hợp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hàng hoá, sản phẩm giả, nhái, hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT.

Việc chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT có thể dẫn đến một số vấn đề hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý:

Thứ nhất, thiếu sự quản lý và giám sát đối với các mô hình trung gian. Nếu không có quy định rõ ràng về trách nhiệm của các đơn vị trung gian, các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng và hỗ trợ TMĐT có thể không tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo mật, chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Điều này có thể dẫn đến môi trường giao dịch không an toàn, gây khó khăn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp trong việc tham gia vào các hoạt động TMĐT.

Thứ hai, tồn tại những rủi ro về an toàn thông tin và an ninh mạng. Khi các đơn vị trung gian như nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) và các dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing) có thể không có đủ cơ chế đảm bảo an toàn thông tin, gây ra nguy cơ rò rỉ dữ liệu, xâm phạm quyền riêng tư của người tiêu dùng và các vấn đề liên quan đến bảo mật trong giao dịch điện tử.

Thứ ba, khi không có cơ chế hợp tác rõ ràng giữa các đơn vị trung gian và cơ quan quản lý nhà nước, việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, như buôn bán hàng giả, hàng nhái, hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT, sẽ trở nên phức tạp. Các cơ quan quản lý sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi và xử lý các hành vi vi phạm, làm giảm hiệu quả trong công tác bảo vệ người tiêu dùng, quản lý hoạt động TMĐT và các lĩnh vực liên quan khác.

Thứ tư, việc không có quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian trong việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng sẽ tạo ra sự phát triển không bền vững của TMĐT. Việc thiếu rõ ràng trong quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian có thể gây ra môi trường TMĐT không ổn định, không có tính cạnh

tranh lành mạnh, làm giảm sự tin tưởng của người tiêu dùng và doanh nghiệp vào các nền tảng TMĐT, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành. Đặc biệt nhiều nền tảng có yếu tố nước ngoài hoạt động không phép ở Việt Nam, nơi trưng bày bán hàng giả, hàng nhái và thậm chí hàng cấm vào thị trường Việt Nam mà không có quy định để ngăn chặn kịp thời. Các đơn vị trung gian cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT thuộc nhiều bộ ngành khác nhau quản lý, do vậy khi yêu cầu gỡ bỏ hay ngăn chặn sản phẩm hàng hóa, dịch vụ vi phạm cần phối hợp rất nhiều khâu.

Thứ năm, nhiều chủ quản nền tảng số TMĐT không có đại diện pháp lý tại Việt Nam và không hợp tác với cơ quan QLNN có thẩm quyền trong việc ngăn chặn, xóa bỏ các thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT. Các đối tượng có thể lợi dụng các nền tảng đặt tại nước ngoài để bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ tại thị trường Việt Nam mà không có biện pháp ngăn chặn, không có đầu mối liên hệ, khó khăn trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thứ sáu, nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT như logistics, thanh toán, tiếp thị liên kết, hạ tầng kỹ thuật... hợp tác, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho các nền tảng TMĐT chưa tuân thủ pháp luật Việt Nam, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam. Cơ quan quản lý nhà nước cũng chưa có chế tài để yêu cầu, xử phạt đối với các chủ thể này.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật về TMĐT.

- Tạo cơ chế để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu để các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nền tảng TMĐT

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 3A:

- Quy định Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT là các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp một, một số hoặc toàn bộ các dịch vụ sau: cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ lên môi trường mạng; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin hàng hóa, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp khi có vi phạm về TMĐT xảy ra trên môi trường mạng.

Phương án 3B: Giữ nguyên như hiện tại

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

3.4.1. Phương án 3A

a) Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước

Khi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hoạt động hợp pháp và được quản lý chặt chẽ, nhà nước có thể thu đúng, thu đủ các loại thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu từ hoạt động TMĐT.

Việc quy định rõ ràng giúp ngăn chặn hành vi trốn thuế, gian lận thương mại, từ đó tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực cho đầu tư công và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với doanh nghiệp

Việc xác định rõ ràng phạm vi và vai trò của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tạo điều kiện cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia vào thị trường TMĐT Việt Nam. Điều này mở rộng sự đa dạng dịch vụ, tạo ra môi trường cạnh tranh thúc đẩy chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian giúp kết nối người bán và người mua một cách hiệu quả, giảm chi phí giao dịch, tăng tốc độ và tiện lợi trong mua sắm, từ đó tăng tổng cầu tiêu dùng.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tuân thủ sẽ giúp bảo vệ thương hiệu và sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước, các đơn vị làm ăn chân chính, ngăn chặn kịp thời hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, hàng cấm... đến người tiêu dùng.

- Đối với người dân

Sự phát triển của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, marketing số, logistics.

Sự tham gia của nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ tăng tính cạnh tranh, buộc các doanh nghiệp phải cải tiến dịch vụ, giảm giá thành để thu hút khách hàng.

Với nhiều nhà cung cấp dịch vụ, người tiêu dùng sẽ có nhiều lựa chọn hơn, đáp ứng được nhu cầu khác nhau về sản phẩm và dịch vụ.

b) Tác động về xã hội

- Đối với doanh nghiệp

Quy định này tạo điều kiện cho nhiều ý tưởng kinh doanh mới xuất hiện, khuyến khích sự sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ và sản phẩm.

Các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ có thể sử dụng các nền tảng TMĐT để kinh doanh mà không cần đầu tư lớn về hạ tầng. Điều này khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và tạo cơ hội cho mọi người tham gia vào thị trường.

Sự phát triển của nhiều loại hình dịch vụ TMĐT góp phần đa dạng hóa nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào các ngành truyền thống.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận thị trường quốc tế, học hỏi và trao đổi văn hóa, thúc đẩy sự hiểu biết giữa các dân tộc.

- Đối với người dân

Sự phát triển của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dịch vụ khách hàng, marketing số, logistics.

Việc phát triển các dịch vụ trung gian hỗ trợ TMĐT giúp người dân ở mọi vùng miền, đặc biệt là vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, tiếp cận dễ dàng hơn với công nghệ và internet. Điều này góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực, nâng cao trình độ công nghệ cho toàn xã hội.

Sự gia tăng của các nền tảng TMĐT cung cấp cho người tiêu dùng nhiều lựa chọn hơn về sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của họ.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải tuân thủ các quy định về cung cấp thông tin hàng hóa, dịch vụ, giúp người tiêu dùng có thông tin đầy đủ để đưa ra quyết định mua sắm đúng đắn.

Người dân sẽ dần quen với việc mua sắm trực tuyến, sử dụng các dịch vụ số, hướng đến một xã hội hiện đại và tiện ích hơn.

TMĐT mở ra cơ hội cho người khuyết tật, phụ nữ nội trợ tham gia kinh doanh hoặc làm việc từ xa, giúp họ tự chủ kinh tế và hòa nhập xã hội.

c) Tác động về môi trường: Không tác động thay đổi về môi trường

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc phân định rõ chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan ở các cấp trung ương và địa phương không phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động TMĐT của địa phương, đồng thời, giảm khối lượng xử lý thủ tục hành chính tại cơ quan trung ương. Tuy nhiên, cần thời gian đào tạo, tập huấn để các cán bộ, công chức quản lý nhà nước ở địa phương có thể thành thạo thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực TMĐT.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với hoạt động TMĐT, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

3.4.2. Phương án 3B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 3.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 3A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 3A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

4. Chính sách 04: Quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành phải thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương. Tuy nhiên, Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định dịch vụ tin cậy phải thực hiện thủ tục cấp phép. Về bản chất dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là 1 loại hình của dịch vụ tin cậy. do đó đang có sự khác biệt đối xử giữa thủ tục cấp phép cho 2 loại hình này.

- Cơ quan nhà nước gặp trong việc theo dõi và giám sát hoạt động của các dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, dịch vụ tin cậy. Điều này làm gia tăng khả năng vi phạm pháp luật mà không bị phát hiện hoặc xử lý kịp thời. Hơn nữa, các

quy định trước đây tại Nghị định số 52 và Nghị định số 85 chỉ yêu cầu đăng ký thủ tục đơn giản, chưa đi sâu vào kết nối trao đổi và đồng bộ dữ liệu hay kết nối định danh người/các bên tham gia ký hợp đồng điện tử. Bên cạnh đó, các quy định cũ chưa có quy định cụ thể về mức độ an toàn của hệ thống thông tin của đơn vị cung cấp dịch vụ, do vậy có nguy cơ không đảm bảo an toàn hệ thống, dữ liệu lưu trữ v.v... dẫn tới nhiều hậu quả trong tương lai.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đối xử công bằng đối với các loại hình cung cấp dịch vụ tin cậy
- Nhanh chóng phát hiện, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 4A: Ban hành quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Quy định thủ tục cấp phép cho dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
- Quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của hợp đồng điện tử được chứng thực.
- Quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hợp đồng điện tử mà mình thực hiện chứng thực.

Phương án 4B: Giữ nguyên như hiện tại

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Phương án 4A: Ban hành quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

a) Tác động về kinh tế - xã hội

Việc sử dụng hợp đồng điện tử được chứng thực hợp pháp giúp doanh nghiệp:

- Tiết kiệm chi phí vận hành: Giảm thiểu chi phí in ấn, lưu trữ và vận chuyển so với hợp đồng giấy truyền thống.
- Tăng tốc độ giao dịch: Hợp đồng có thể được ký kết và xử lý trong tích

tắc, không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý hay thời gian.

- Nâng cao tính bảo mật và an toàn: Công nghệ mã hóa và chứng thực điện tử bảo vệ thông tin khỏi rủi ro gian lận hay truy cập trái phép.

- Lưu trữ an toàn, tra cứu dễ dàng tra cứu : Hợp đồng được lưu trữ trên hệ thống số giúp người dùng có thể truy cập, tìm kiếm mọi lúc, mọi nơi bằng các thiết bị điện tử như máy tính, laptop, điện thoại thông minh... chỉ cần có mạng Internet, dễ dàng hơn so với hợp đồng bằng giấy.

- Sử dụng làm chứng cứ khi có tranh chấp : các hệ thống ký điện tử có tính năng lưu lại lịch sử ký (người ký, tên công ty, IP máy tính, thời gian ký...) khi ký hợp đồng điện tử. Vì vậy, nếu có xảy ra tranh chấp, các bên đều có thể dùng hợp đồng điện tử để làm chứng cứ xử lý tranh chấp.

Quy định cấp phép rõ ràng tạo ra một khung pháp lý vững chắc, tăng cường tính minh bạch và tin cậy trong thương mại, giúp:

- Xây dựng niềm tin giữa các bên giao dịch: Khi biết rằng hợp đồng điện tử được chứng thực và bảo vệ bởi pháp luật, các doanh nghiệp cảm thấy an tâm hơn khi ký kết.

- Giảm thiểu tranh chấp pháp lý: Các điều khoản và chữ ký điện tử được lưu trữ và truy xuất dễ dàng, giúp giải quyết nhanh chóng nếu có vấn đề phát sinh.

Mở rộng cơ hội thị trường và nâng cao cạnh tranh:

- Tiếp cận thị trường quốc tế: Doanh nghiệp có thể dễ dàng hợp tác với đối tác nước ngoài thông qua hợp đồng điện tử, không bị cản trở bởi thủ tục giấy tờ phức tạp. Tạo cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận và giao thương với đối tác khắp nơi trên thế giới

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo: Sự thuận lợi trong giao dịch thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, tạo ra sản phẩm và dịch vụ mới.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu cơ bản đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%. Quy định này góp phần vào mục tiêu quốc gia về kinh tế số:

- Hiện đại hóa hạ tầng pháp lý: Đáp ứng nhu cầu của thời đại công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững: Tạo môi trường thuận lợi cho

doanh nghiệp phát triển và đóng góp vào GDP quốc gia.

Sự phát triển của hợp đồng điện tử không chỉ dừng lại ở thương mại mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như tài chính, bất động sản, và dịch vụ công. Việc nắm bắt xu hướng này sẽ giúp doanh nghiệp và quốc gia đón đầu công nghệ mới và thích ứng với thay đổi thị trường.

b) Tác động về môi trường: việc sử dụng các hợp đồng điện tử có thể mang lại nhiều lợi ích to lớn và lâu dài cho môi trường và kinh tế giảm chi phí giấy tờ, in ấn – 0 chi phí chuyển phát hợp đồng – 0 chi phí cơ sở vật chất lưu trữ hợp đồng.

c) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính: Hiện nay, các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được Bộ Công Thương triển khai thực hiện. Đến hết năm 2024, đã có tổng cộng 11 doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Việc nâng cấp thành luật những quy định liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật: luật hóa những quy định tại Nghị định 52, đồng thời bổ sung thêm những quy định mới góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại, giúp tạo khung pháp lý ổn định.

4.4.2. Phương án 4B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 4.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 4A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 4A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

5. Chính sách 05: Quy định về xây dựng, phát triển TMĐT

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, các quy định tại Nghị định 52 và Nghị định 85 đã đưa ra các khung pháp lý cơ bản về hoạt động và các mô hình hoạt động của TMĐT. Nghị

định cũng đã có những quy định cơ bản về Chương trình phát triển TMĐT quốc gia tại Điều 7, về cơ bản đây là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động phát triển TMĐT theo từng giai đoạn nhằm mục tiêu khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng TMĐT để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giao dịch thương mại trong nước và xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng TMĐT theo hướng hiện đại hóa; Nghị định năm 2013 cũng chỉ ra được 07 nội dung hoạt động của Chương trình. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của TMĐT, các quy định hiện hành cần được điều chỉnh theo hướng TMĐT phát triển bền vững để duy trì sự phát triển lâu dài.

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM) công bố năm 2024, sự phát triển nhanh chóng của ngành TMĐT Việt Nam kéo theo nhiều vấn đề môi trường, đặc biệt là rác thải từ đóng gói, hoàn thiện đơn hàng và giao đồ ăn trực tuyến. Nếu không có giải pháp hiệu quả trong việc giảm thiểu rác thải nhựa, dự báo rằng đến năm 2030, khi quy mô thị TMĐT đạt 100 tỷ USD, lượng rác thải nhựa từ lĩnh vực này có thể lên tới 800.000 tấn. Trong năm qua, thị trường mua sắm trực tuyến và giao đồ ăn tại Việt Nam đã đạt quy mô lần lượt 22 tỷ USD và 1 tỷ USD, thải ra khoảng 160.000 tấm bìa carton và 171.000 tấn nhựa, chủ yếu là loại nhựa dùng một lần, theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF). Riêng ngành TMĐT đã thải ra hơn 7.600 tấn nhựa để bán ra 1 tỷ USD, trong khi giao đồ ăn thải gần 18.600 tấn nhựa.

Từ thực tiễn nêu trên cho thấy, TMĐT đang đối mặt với vấn đề gia tăng đáng kể lượng rác thải từ bao bì đóng gói và vận chuyển, gây áp lực lớn lên môi trường. Đồng thời, các tiêu chuẩn xanh và trách nhiệm phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu phổ biến trong hoạt động TMĐT toàn cầu, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tích hợp các giải pháp giảm phát thải, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và xây dựng chuỗi cung ứng xanh. Vì vậy, việc xây dựng chính sách TMĐT giai đoạn tới cần nhấn mạnh vào phát triển hạ tầng TMĐT thân thiện với môi trường, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh và tăng cường nhận thức người tiêu dùng về tiêu dùng bền vững. Những bước đi này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn nâng cao tính cạnh tranh của TMĐT Việt Nam, góp phần tạo nên một nền kinh tế số phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, một trong những vấn đề được quan tâm trong bối cảnh toàn cầu hóa là Thương mại số. Xét về nội hàm không phải là một khái niệm mới. Các giao dịch thương mại được thực hiện với sự hỗ trợ của công nghệ số đã xuất hiện rất nhiều năm trước đây. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và xu hướng chuyển đổi số, quy mô, số lượng các

giao dịch thương mại và sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh thương mại mới liên quan đến công nghệ số đã và đang làm thay đổi nhận thức của doanh nghiệp và người dân về thương mại trên nền tảng số. Bên cạnh các loại hình thương mại khác, thương mại số đã phát triển nhanh chóng, ngày càng được quan tâm trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đang đối mặt với những thách thức trong việc xây dựng khung khổ pháp lý, thể chế để điều chỉnh các quan hệ tham gia thương mại số, vừa để đảm bảo thương mại số vận hành thông suốt, vừa đảm bảo các cơ hội, lợi ích của thương mại số được thực hiện và chia sẻ một cách hài hòa. Do vậy, cần có những quan điểm, chỉ đạo bước đầu để từng bước luật hóa chính sách đối với thương mại số. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với thương mại số.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ về thúc đẩy phát triển TMĐT⁴.

- Thúc đẩy TMĐT phát triển xanh, bền vững, góp phần phát triển kinh tế hiệu quả, tạo giá trị cho cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội công bằng và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 5A: Bổ sung, hoàn thiện chính sách của về phát triển TMĐT theo hướng xanh và bền vững.

- Tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng TMĐT trong hoạt động

Phương án 5B: Giữ nguyên như hiện tại

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Phương án 5A: Bổ sung chính sách của nhà nước về phát triển TMĐT

a) Tác động về kinh tế

+ Đối với nhà nước: Cần bố trí các nguồn lực từ trung ương đến địa phương để tham gia thúc đẩy phát triển TMĐT bền vững

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp cần đầu tư thêm vào công nghệ và đổi mới quy trình kinh doanh để đáp ứng các tiêu chuẩn mới, đặc biệt là TMĐT

⁴ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tại Phần III. Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Mục 6 về Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên nêu rõ: “Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như ... **thương mại điện tử**”

xanh.

+ Đối với người dân: Giá cả sản phẩm có thể tăng do chi phí áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và cải thiện hạ tầng.

b) Tác động về xã hội

+ Đối với nhà nước: Hỗ trợ quá trình kiểm tra, giám sát và căn cứ thực tiễn phát triển để có định hướng chính sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển TMĐT.

+ Đối với các nhà đầu tư nước ngoài: Thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

+ Đối với người dân: Người dân được tiếp cận các sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao thông qua TMĐT.

c) Tác động về môi trường

+ Đối với nhà nước: giám sát, đánh giá và điều chỉnh các chính sách TMĐT nhờ vào các chỉ số đánh giá được xây dựng, bảo vệ môi trường

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp có ý thức trong việc bảo vệ môi trường

+ Đối với người dân: Giảm thiểu lượng rác thải nhựa, cải thiện chất lượng môi trường sống.

d) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về hệ thống pháp luật:

- Bộ máy Nhà nước: Phương án này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động TMĐT.

- Các điều kiện đảm bảo thi hành: Phương án này không tác động về các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Phương án này không tác động đến quyền cơ bản của công dân.

- Tương thích với các Điều ước quốc tế: Phương án này không có tác động tới việc thực hiện các điều ước quốc tế.

5.4.2. Phương án 5B: Giữ nguyên như hiện tại

Nếu giữ nguyên như các quy định hiện nay thì các vấn đề tồn tại, bất cập như đã nêu ở mục 5.1. Xác định vấn đề bất cập sẽ không được giải quyết.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 (hai) phương án trên, phương án 5A là phương án có nhiều tác động tích cực nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất. Do đó, đề xuất lựa chọn phương án 5A cho việc xây dựng Luật TMĐT. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

1. Về điều kiện đảm bảo thi hành luật

Dự kiến sau khi Luật ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng thi hành Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật. Bộ Công Thương đã có đơn vị trực thuộc để quản lý lĩnh vực TMĐT được Luật TMĐT điều chỉnh (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) đảm bảo việc thi hành Luật được đồng bộ, thống nhất. Ở địa phương, trong trường hợp một số TTHC lĩnh vực TMĐT được phân cấp thành TTHC cấp địa phương, Sở Công Thương của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có đơn vị chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về TMĐT.

Như vậy, với điều kiện thực tế hiện nay, Bộ Công Thương và ngành Công Thương các cấp có đủ nguồn nhân lực, bộ máy, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật TMĐT sau khi được Quốc hội thông qua, đảm bảo tính khả thi về chính sách. Đồng thời, các quy định tại Luật TMĐT không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, ngành khác có liên quan và vẫn duy trì được đội ngũ nhân lực, tổ chức bộ máy sẵn có để cùng phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Luật TMĐT.

2. Về nguồn lực tài chính

a) Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Luật

Các chính sách không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện. Kinh phí để tổ chức thi hành chính sách nằm trong kinh phí chung tổ chức thi hành Luật TMĐT.

b) Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành

Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành bao gồm:

(1) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật; (2) Kinh phí cho tổ chức phổ biến, tuyên truyền Luật và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật; (3) Kinh phí tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật. Các chi phí này không phát sinh đáng kể so với các năm trước đây vì đây là các công việc quản lý nhà nước thường xuyên.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Bộ Công Thương.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

Bộ Công Thương dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2025 (trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2025) và thông qua tại Kỳ họp thứ 11 (tháng 5/2026).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật TMĐT, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng Luật TMĐT; (3) Đề cương dự thảo Luật TMĐT; (4) Báo cáo giải tình tiếp thu ý kiến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgTT CP Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TMĐT (CS).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

DỰ THẢO 1

BÁO CÁO

**Tổng kết thi hành pháp luật về thương mại điện tử,
Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ
về thương mại điện tử, Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP
ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử**

Thương mại điện tử (sau đây gọi là TMĐT) tại Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay. Hiện nay, TMĐT đã và đang trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số quốc gia. Giai đoạn này chứng kiến tốc độ tăng trưởng trung bình của thị trường TMĐT đạt trên 20% mỗi năm, với quy mô TMĐT bán lẻ ước đạt 25 tỷ USD vào năm 2024. Hệ thống pháp luật về TMĐT, đặc biệt là Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng, điều chỉnh hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực này, đồng thời bảo đảm quyền lợi của các bên tham gia. Nghị định số 85/2021/NĐ-CP đã bổ sung các quy định quản lý đối với sàn giao dịch TMĐT có yếu tố nước ngoài, sàn giao dịch TMĐT xuyên biên giới, quy định trách nhiệm của các nền tảng số và hướng đến tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên các nền tảng này.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, vẫn còn tồn tại một số khó khăn, thách thức trong việc thực thi các quy định pháp luật, như sự phát triển nhanh chóng của các mô hình kinh doanh mới, khó khăn trong kiểm soát hoạt động TMĐT xuyên biên giới và hạn chế trong nhận thức của một bộ phận người tiêu dùng và doanh nghiệp. Do đó, việc tổng kết thi hành pháp luật về TMĐT và các Nghị định trên là cơ hội để đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, nhận diện các tồn tại, vướng mắc, từ đó đề xuất các giải pháp và định hướng hoàn thiện khung pháp lý về TMĐT trong thời gian tới.

Báo cáo tổng kết này sẽ tập trung làm rõ các nội dung chính:

Phần I. Bối cảnh, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về quản lý TMĐT.

Phần II. Đánh giá kết quả đạt được trong thi hành các Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, Nghị định số 85/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan TMĐT

Phần III. Phân tích những khó khăn, hạn chế trong việc thực thi pháp luật về TMĐT.

Phần IV. Kết luận và đề xuất.

Kết quả của báo cáo tổng kết sẽ là cơ sở quan trọng để Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của TMĐT trong giai đoạn tới.

MỤC LỤC

PHẦN I. BỐI CẢNH, CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ TMĐT	6
I. Khái quát chung về bối cảnh, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về TMĐT	6
1.1. Tổng quan pháp luật TMĐT giai đoạn từ năm 2006 đến trước năm 2015	6
1.2. Tổng quan pháp luật TMĐT giai đoạn từ 2015 đến nay	9
II. Những nội dung cơ bản của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2012/NĐ-CP	13
2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định.....	13
2.2. Về giao kết hợp đồng trong TMĐT	13
2.3. Về quản lý hoạt động TMĐT	14
2.3.1. Các quy định về điều kiện thiết lập và thủ tục thông báo website TMĐT bán hàng.....	15
2.3.2. Các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT	16
2.3.3. Các hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong TMĐT	16
2.4. An toàn an ninh trong giao dịch TMĐT	17
2.5. Về giải quyết tranh chấp và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong TMĐT	18
2.6. Hạ tầng pháp luật quản lý hoạt động TMĐT sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP.....	19
2.6.1. Quy định cụ thể hơn về thông tin hàng hóa, dịch vụ phải công bố trong giao dịch TMĐT	19
2.6.2. Tăng cường trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT trong việc quản lý các giao dịch trên nền tảng của mình	20
2.6.3. Thu hẹp đối tượng thực hiện thủ tục thông báo với Bộ Công Thương	20
2.6.4. Quản lý hoạt động TMĐT trên mạng xã hội	21
2.6.5. Quản lý người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT	21
2.6.6. Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam.....	21
2.6.7. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	22

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THI HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2013/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 85/2021/NĐ-CP	22
I. Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật	22
II. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật trong lĩnh vực TMĐT	23
III. Thực trạng thông báo, đăng ký website, ứng dụng di động TMĐT của doanh nghiệp.....	25
IV. Tình hình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT	27
PHẦN III. PHÂN TÍCH NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ TRONG VIỆC THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ TMĐT.....	31
I. Khó khăn khi chưa có khái niệm đồng bộ và thống nhất về nền tảng số trong lĩnh vực TMĐT	31
II. Khó khăn trong quản lý hoạt động TMĐT trên các mô hình đặc thù TMĐT xuyên biên giới	32
III. Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT.....	33
IV. Chưa thống nhất quy định về cấp phép dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong lĩnh vực TMĐT	34
V. Chưa có nội dung quy định cụ thể về phát triển TMĐT bền vững	34
PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT	35
I. Kết luận	35
1.1. Cần thiết về tính hài hòa, thống nhất, toàn diện, ổn định của hệ thống pháp luật về TMĐT	37
1.2. Cần thiết hoàn thiện quy định về các mô hình TMĐT hoạt động mới chưa có điều chỉnh riêng	37
1.3. Cần thiết tăng cường quản lý, giám sát trong lĩnh vực TMĐT	38
1.4. Cần thiết tăng cường quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới	39
1.5. Cần thiết đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền cho địa phương trong lĩnh vực TMĐT	40
II. Đề xuất	41

Chính sách 1: Bổ sung và thống nhất các khái niệm theo các quy định pháp luật hiện hành.....	41
Chính sách 2: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ liên quan.....	41
Chính sách 3: Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT	42
Chính sách 4: Quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	42
Chính sách 5: Quy định về xây dựng, phát triển TMĐT	43

PHẦN I. BỐI CẢNH, CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ TMĐT

I. Khái quát chung về bối cảnh, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về TMĐT

Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng mang đến động lực mạnh mẽ cho việc đổi mới, hoàn thiện môi trường pháp lý, cải cách thể chế kinh tế thị trường và cơ chế quản lý trong nước. Điều này không chỉ tạo ra môi trường kinh doanh thông thoáng hơn mà còn góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển các ngành hàng đáp ứng tốt hơn nhu cầu từ các thị trường đã ký kết hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam.

Từ năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Tiếp đó, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 nhấn mạnh: "Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; các lĩnh vực hội nhập khác phải tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của toàn dân, trong đó doanh nhân, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức đóng vai trò tiên phong. Nhà nước cần tập trung khuyến khích, hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp, và sản phẩm Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế".

Trong những giai đoạn này, phát triển TMĐT được xem là một chính sách nhất quán của Chính phủ Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT cho từng giai đoạn 5 năm (Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2006-2010 theo quyết định số 222/2005/QĐ-TTg ngày 15/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 12/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ...; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021-2025). Trong đó, Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 được coi là văn bản quan trọng với những giải pháp toàn diện và nguồn lực cụ thể làm cơ sở cho việc triển khai nhiều hoạt động liên quan tới TMĐT trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp IV (CMCN 4.0).

1.1. Tổng quan pháp luật TMĐT giai đoạn từ năm 2006 đến trước năm 2015

Năm 2006, Luật Công nghệ thông tin được ban hành, cùng với Luật Giao

dịch điện tử năm 2005 đã trở thành khung pháp lý cho giao dịch điện tử nói chung và TMĐT nói riêng. Luật Giao dịch điện tử 2005 đặt nền tảng pháp lý cơ bản cho các giao dịch điện tử trong xã hội bằng việc thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, đồng thời quy định khá chi tiết về chữ ký điện tử, một yếu tố đảm bảo độ tin cậy của thông điệp dữ liệu khi tiến hành giao dịch. Nếu Luật Giao dịch điện tử tập trung điều chỉnh các khía cạnh pháp lý của giao dịch điện tử, thì Luật Công nghệ thông tin chủ yếu quy định về hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cùng những biện pháp bảo đảm về mặt chính sách và hạ tầng cho các hoạt động này.

Ngoài ra, hoạt động TMĐT và các hoạt động liên quan đến TMĐT nói chung và việc giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực TMĐT còn chịu sự điều chỉnh của một số luật như: Luật viễn thông năm 2009; Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010; Luật Quảng cáo năm 2012; Luật Đầu tư năm 2014 (được thay thế bởi Luật Đầu tư năm 2020); Luật Cạnh tranh năm 2004 (được thay thế bởi Luật Cạnh tranh năm 2018); Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018.

Ngoài các văn bản luật, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản dưới luật để hướng dẫn cụ thể và quản lý các hoạt động giao dịch và các hoạt động liên quan trong TMĐT như: Nghị định số 57/2006/NĐ-CP về TMĐT ngày 09/06/2006 đánh dấu một bước tiến lớn trong việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về TMĐT; Nghị định 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và Dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định 35/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động Ngân hàng; Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác; Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2007/NĐ-CP về Chữ ký và Dịch vụ chứng thực chữ ký; Nghị định 77/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2008/NĐ-CP về Chống thư rác; Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về Thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về TMĐT; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 quy định về khu công nghệ thông tin tập trung; Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Trong đó, quan trọng nhất là Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 về TMĐT (sau đây gọi là Nghị định 52) thay thế Nghị định 57/2006/NĐ-CP ngày 09/6/2006 của Chính phủ về TMĐT.

Nghị định 52 được xây dựng với mục tiêu thiết lập hành lang pháp lý cho các giao dịch TMĐT được tiến hành một cách minh bạch, trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, qua đó tạo điều kiện để TMĐT phát triển, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng tập quán thương mại hiện đại cho Việt Nam. Năm nguyên tắc lớn trong quá trình xây dựng Nghị định 52 bao gồm:

- Nghị định được xây dựng nhằm tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động ứng dụng TMĐT, qua đó thúc đẩy sự phát triển của TMĐT tại Việt Nam và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực này.

- Nghị định chỉ điều chỉnh những vấn đề mang tính đặc thù hoặc khi phát sinh trên môi trường điện tử thì có phạm vi tác động lớn hơn trong môi trường truyền thống, không nhắc lại những quy định pháp luật chung về kinh doanh - thương mại mà các chủ thể tham gia TMĐT đương nhiên có nghĩa vụ tuân thủ.

- Nghị định hướng tới việc đảm bảo sự bình đẳng giữa TMĐT và thương mại truyền thống, các chủ thể tham gia TMĐT phải tuân thủ nghĩa vụ pháp luật không nhiều hơn cũng không ít hơn khi tham gia hoạt động thương mại trong môi trường truyền thống.

- Các quy định được xây dựng nhằm đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các chủ thể tham gia TMĐT là doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Nghị định được xây dựng để điều chỉnh các hành vi ứng dụng TMĐT trong một giai đoạn tương đối dài, trong bối cảnh tốc độ đổi mới công nghệ của lĩnh vực này diễn ra hết sức nhanh chóng. Do vậy, các quy định của Nghị định cần được xây dựng trên nguyên tắc trung lập về công nghệ, để không trở thành khuôn khổ cứng nhắc hạn chế sự phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong thực tiễn hoạt động TMĐT.

Về cơ bản, Nghị định 52 có vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế nói chung, với xã hội tiêu dùng và với ngành TMĐT nói riêng trong giai đoạn này. Đây là văn bản mang tính chất thúc đẩy phát triển TMĐT, cơ bản tạo môi trường minh bạch cho thị trường mua sắm trực tuyến, góp phần tạo thói quen

tiêu dùng, mua sắm hiện đại của người dân. Điểm sáng trong giai đoạn này ghi nhận ở tốc độ phát triển về quy mô thị trường TMĐT B2C, doanh thu bán lẻ trực tuyến năm 2021 đạt 13,7 tỷ USD, tăng gần 7 lần so với thời điểm trước khi ban hành Nghị định (giai đoạn năm 2012-2013 doanh thu TMĐT B2C chỉ xấp xỉ 2 tỷ USD). So với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, doanh thu TMĐT B2C Việt Nam năm 2021 chiếm khoảng 7%. Với tốc độ tăng trưởng này, trong giai đoạn này, Việt Nam là quốc gia có thị trường TMĐT phát triển năng động nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Ngoài ra, về xử lý vi phạm trong lĩnh vực TMĐT có các Nghị định sau: Nghị định 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao du lịch và quảng cáo; Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

1.2. Tổng quan pháp luật TMĐT giai đoạn từ 2015 đến nay

TMĐT tại Việt Nam giai đoạn này trở thành một hình thái kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp, và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng. Theo báo cáo "e-Conomy SEA 2024" của Google và Temasek, Việt Nam hiện đứng trong nhóm ba quốc gia dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về tốc độ phát triển TMĐT, với dự báo giá trị nền kinh tế số của Việt Nam sẽ đạt 36 tỷ USD vào năm 2024. Mặc dù gặp phải những tác động từ đại dịch COVID-19, ngành TMĐT vẫn duy trì được mức tăng trưởng ấn tượng, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế số của khu vực.

Nhận ra được vai trò, sự cần thiết của TMĐT trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (sau đây gọi là CMCN 4.0), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chính sách lâu dài và nhất quán nhằm phát triển TMĐT với các Kế hoạch tổng thể cho 05 năm theo từng giai đoạn hình thành và phát triển của TMĐT Việt Nam, bắt đầu từ năm 2006 đến nay. Theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, TMĐT tại Việt Nam dự báo có sự tăng trưởng mạnh mẽ với 55% người dân Việt Nam tham gia mua sắm trực tuyến, giá trị mua hàng hóa và dịch vụ trực tuyến trung bình đạt 600 USD/người/năm, và doanh số TMĐT bán lẻ B2C tăng trưởng khoảng 25% mỗi năm và ước đạt 35 tỷ USD vào năm 2025, chiếm khoảng 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước.

Tiếp nối thành công từ giai đoạn 2011–2015, Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1563/QĐ-TTg ngày 08/8/2016, phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2016–2020. Quyết định này khẳng định vai trò then chốt của TMĐT như một hạ tầng quan trọng trong lĩnh vực thương mại và xã hội thông tin. TMĐT không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển thị trường nội địa và mở rộng xuất nhập khẩu, mà còn giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia thông qua việc tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính sách phát triển trong giai đoạn này nhấn mạnh sự kết hợp hài hòa giữa vai trò chủ đạo của doanh nghiệp trong triển khai hoạt động TMĐT và vai trò quản lý của nhà nước trong thiết lập hạ tầng và môi trường pháp lý thuận lợi, đồng thời bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trong giai đoạn 2016–2020, TMĐT tại Việt Nam ghi nhận sự phát triển vượt bậc cả về tốc độ tăng trưởng và quy mô thị trường, ngay cả khi nhiều quốc gia phát triển bắt đầu chứng kiến sự chững lại trong lĩnh vực này. TMĐT Việt Nam duy trì mức tăng trưởng trung bình 24% mỗi năm, đạt doanh thu bán lẻ 11,8 tỷ USD vào năm 2020, chiếm 5,5% tổng doanh thu bán lẻ cả nước. Số lượng người tiêu dùng trực tuyến ước tính đạt 49 triệu người, với giá trị mua sắm trung bình mỗi người lên tới 240 USD. TMĐT ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống kinh tế, xã hội, không chỉ phổ biến trong cộng đồng người tiêu dùng mà còn được doanh nghiệp xem là hình thức kinh doanh thiết yếu.

Bên cạnh đó, hạ tầng pháp lý cho TMĐT cũng được hoàn thiện với những quy định cụ thể nhằm quản lý hiệu quả hơn các hoạt động trực tuyến. Luật Quản lý thuế 2019 đã đưa ra các quy định rõ ràng về nghĩa vụ thuế đối với giao dịch TMĐT; Luật An ninh mạng 2018 bảo đảm an toàn thông tin trong các hoạt động giao dịch trực tuyến; và các nghị định như Nghị định số 09/2018/NĐ-CP hay Nghị định số 165/2018/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý để quản lý tốt hơn các hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài và giao dịch tài chính trên môi trường số. Song song với đó, hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt phát triển nhanh chóng, trở thành phương thức thanh toán phổ biến tại các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại. Hệ thống logistics phục vụ TMĐT cũng được mở rộng, với sự tham gia ngày càng nhiều của các doanh nghiệp bưu chính vào chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh CMCN 4.0 diễn ra mạnh mẽ, các xu hướng công nghệ như Internet vạn vật (IoT) và Trí tuệ nhân tạo (AI) đang thúc đẩy sự thay đổi toàn diện trong các hoạt động kinh tế và xã hội. Nhằm tận dụng cơ hội từ sự phát triển công nghệ, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chỉ thị số 16/CT-TTg về tăng cường năng lực tiếp cận CMCN 4.0. Kế hoạch này định hướng ứng dụng các công nghệ mới để chuyển đổi mô hình thương mại, thúc đẩy các

chuỗi cung ứng thông minh và mở rộng phạm vi thị trường TMĐT. Sự phát triển mạnh mẽ của TMĐT trong giai đoạn này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn đòi hỏi những thay đổi lớn trong cách tiếp cận chính sách và quản lý. Các quy định hiện hành cần được điều chỉnh để phù hợp với sự đổi mới không ngừng của các mô hình kinh doanh số, đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững đồng thời bảo vệ lợi ích của các bên tham gia trong nền kinh tế số. Để kế thừa và phát huy các kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế sau 5 năm thực hiện Quyết định số 1563/QĐ-TTg về Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2016–2020, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020, phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021–2025. Kế hoạch này hướng tới mục tiêu xây dựng một thị trường TMĐT lành mạnh, cạnh tranh bền vững, phù hợp với bối cảnh phát triển của CMCN 4.0 và nền kinh tế số.

Những chính sách phát triển TMĐT trong giai đoạn này cũng được tích hợp vào các Chương trình Chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022. Các quyết định này nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển một thị trường TMĐT lành mạnh, bền vững; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực thành thị và nông thôn; hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đặc trưng vùng miền; và thúc đẩy các nền tảng TMĐT thông qua chuỗi giá trị, kết nối các nhà sản xuất, phân phối và các kênh thương mại bán lẻ.

Giai đoạn 2021–2025 cũng chứng kiến sự bùng phát của đại dịch Covid-19, gây ra nhiều gián đoạn nghiêm trọng cho nền kinh tế - xã hội toàn cầu và Việt Nam. Thị trường TMĐT chịu ảnh hưởng lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực như du lịch và giải trí trực tuyến. Tuy nhiên, trong bối cảnh các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, TMĐT đã trở thành công cụ thiết yếu, hỗ trợ người tiêu dùng trong các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Đây cũng là lĩnh vực duy nhất ghi nhận mức tăng trưởng hai con số, đạt 18% trong giai đoạn cao điểm dịch bệnh.

Năm 2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 (Nghị định 85) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 nhằm hướng đến các mục đích sau đây:

- Hoàn thiện thể chế, pháp luật về TMĐT để đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT Việt Nam tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ thời gian qua, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong hệ thống thương mại nội địa;

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định 52 đảm bảo môi trường lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng cho TMĐT, đảm

bảo quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT;

- Cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích doanh nghiệp triển khai ứng dụng TMĐT.

Nhằm thực thi hiệu quả các Nghị định trên, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành các Thông tư hướng dẫn bao gồm: Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website TMĐT; Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động TMĐT qua ứng dụng trên thiết bị di động. Hai Thông tư trên được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2018/TT-BCT ngày 20/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website TMĐT và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động TMĐT qua ứng dụng trên thiết bị di động và Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website TMĐT và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động TMĐT qua ứng dụng trên thiết bị di động.

Về cơ bản, trong giai đoạn này, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận các hoạt động kinh doanh, thương mại trên các phương tiện điện tử, quy định kinh doanh dịch vụ TMĐT là một ngành, nghề kinh doanh; thừa nhận giá trị pháp lý của chứng từ điện tử; các quy định về thuế như hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong hoạt động Hải quan; quy định về vấn đề bảo vệ người tiêu dùng khi tham gia giao dịch TMĐT như trong giao dịch thương mại truyền thống. Các văn bản liên quan đến vấn đề bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT thời gian qua chủ yếu tập trung vào 2 khía cạnh đặc thù là bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quá trình giao kết hợp đồng trên các website, ứng dụng TMĐT. Bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng bao gồm vấn đề quản lý và sử dụng thông tin cá nhân trong TMĐT, chống thư rác và quản lý thư quảng cáo thương mại, xử lý tội phạm về thông tin cá nhân. Vấn đề về bảo vệ người tiêu dùng trong quá trình giao kết hợp đồng trên các website, ứng dụng TMĐT chủ yếu được giải quyết thông qua các quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin và quy trình giao kết hợp đồng trên môi trường điện tử, nhằm thu hẹp khoảng cách về bất bình đẳng thông tin đối với người tiêu dùng và nâng cao tính minh bạch của môi trường trên không gian mạng.

Năm 2023 là năm cột mốc quan trọng với việc Quốc hội thông qua Luật

Giao dịch điện tử (sửa đổi) và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi). Các luật này lần đầu tiên đưa ra quy định rõ ràng về các mô hình kinh doanh đặc thù trên môi trường không gian mạng, như nền tảng số và nền tảng trung gian. Những quy định này không chỉ nâng cao tính minh bạch trong quản lý, mà còn gia tăng trách nhiệm của các bên liên quan, đồng thời tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước các rủi ro trong giao dịch trực tuyến.

II. Những nội dung cơ bản của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2012/NĐ-CP

2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là *“việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động TMĐT”*. Phạm vi này rộng hơn phạm vi của Nghị định về TMĐT ban hành năm 2006, trong đó chỉ giới hạn điều chỉnh việc *“sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động thương mại và hoạt động có liên quan đến thương mại”*.

Liên quan đến đối tượng áp dụng, tại Điều 2 Nghị định 52, đối tượng áp dụng được liệt kê là các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TMĐT trên lãnh thổ Việt Nam. Nghị định này cũng mở rộng hơn so với Nghị định cũ là điều chỉnh cả các thương nhân, tổ chức nước ngoài có sự hiện diện tại Việt Nam thông qua *“hoạt động đầu tư, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam”*.

2.2. Về giao kết hợp đồng trong TMĐT

Các quy định tại Chương II-Giao kết hợp đồng trong TMĐT, từ Điều 9 đến Điều 23 Nghị định 52 là các nội dung quan trọng, điều chỉnh các vấn đề pháp lý của chứng từ điện tử trong giao kết và thực hiện hợp đồng trên môi trường điện tử.

Mặc dù, giá trị pháp lý của văn bản, chứng từ điện tử trong giao dịch dân sự nói chung và thương mại nói riêng đã được đề cập tại Luật Giao dịch điện tử, Bộ Luật dân sự (sửa đổi), Luật Thương mại (sửa đổi). Cụ thể, Luật Giao dịch điện tử quy định thông tin ở dạng thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý, Bộ luật Dân sự quy định giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản và Luật Thương mại thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trong hoạt động thương mại, các thông điệp dữ liệu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản. Nghị định 52 đã kế thừa các quy định tại ba văn bản nói trên, đồng thời làm rõ quy định về các điều kiện để chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như bản gốc, về các tiêu chí để đánh giá tính toàn vẹn của chứng từ điện tử và các tiêu chí về sự bảo đảm đủ tin

cậy trong trao đổi và sử dụng chứng từ điện tử.

Liên quan đến các quy định về “*giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website TMĐT*”. Do đặc thù của môi trường Internet, quy trình giao kết hợp đồng trên các website TMĐT thường tuân theo những trình tự và điều kiện rất khác biệt so với giao dịch truyền thống. Trên môi trường điện tử, khách hàng là người đề nghị giao kết hợp đồng, nhưng thương nhân mới là người quy định các điều khoản của hợp đồng. Ngoài ra, người tiêu dùng khi tham gia giao dịch cũng thường bị hạn chế trong việc tiếp cận thông tin do những tiêu chí về sản phẩm, điều kiện giao dịch được cung cấp phân tán ở nhiều nơi trên website, thông tin cũng có thể không đầy đủ hoặc được cung cấp dưới những hình thức mà người tiêu dùng không dễ tiếp cận. Mục 2 Chương này được xây dựng nhằm giải quyết những vấn đề nói trên và nâng cao tính minh bạch của quy trình giao dịch trên các website TMĐT.

2.3. Về quản lý hoạt động TMĐT

Khoản 1 Điều 3 Nghị định 52 quy định “*Hoạt động TMĐT là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động, hoặc các mạng mở khác*”.

Thực tiễn hoạt động TMĐT giai đoạn 2013 cũng cho thấy, sự ra đời và phát triển của các mô hình kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT khá đa dạng. Nghị định chọn hướng tiếp cận điều chỉnh các hoạt động thương mại trên môi trường điện tử diễn ra trên nền tảng là website, do đây là hình thái phổ biến nhất. Các chủ thể truy cập vào website thông qua máy tính nối mạng Internet, mạng WAN, điện thoại nối mạng viễn thông di động... để tiến hành một phần hay toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại.

Việc nhận dạng và phân loại các mô hình kinh doanh này giúp cho công tác quản lý được thuận lợi. Bên cạnh đó, việc phân định quyền và trách nhiệm của các bên tham gia những mô hình kinh doanh này sẽ giúp thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng và minh bạch cho TMĐT. Với hai mục tiêu nói trên, Chương III về *Hoạt động TMĐT* là chương quan trọng nhất và chiếm khối lượng lớn nhất trong toàn bộ nội dung của Nghị định.

Bên cạnh một số quy định chung như phân loại các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, các hình thức website TMĐT, và các nguyên tắc hoạt động TMĐT; nội dung chính của Chương III là những quy định cụ thể về hoạt động của từng loại hình website TMĐT, bao gồm 2 nhóm chính là (i) website TMĐT bán hàng và (ii) website cung cấp dịch vụ TMĐT. Trong đó, website cung cấp dịch vụ TMĐT lại chia thành 3 loại: sàn giao dịch TMĐT, website đấu giá trực tuyến, và

website khuyến mại trực tuyến.

- *Website TMĐT bán hàng*: Quy định về hoạt động của website TMĐT bán hàng chủ yếu tập trung vào nghĩa vụ của chủ website trong việc cung cấp thông tin, từ thông tin về thương nhân cho đến thông tin về hàng hóa, dịch vụ, giá cả, vận chuyển, thanh toán, và các điều kiện giao dịch chung. Những quy định này nhằm đảm bảo sự minh bạch thông tin và bảo vệ lợi ích cho người tiêu dùng khi tham gia giao dịch trên website TMĐT.

- *Website cung cấp dịch vụ TMĐT*: Chủ sở hữu những website dạng này không trực tiếp bán hàng hóa và dịch vụ đầu cuối đến người tiêu dùng, mà chỉ đóng vai trò cung cấp môi trường để người mua và người bán gặp gỡ, kết nối nhu cầu và tiến hành giao dịch. Mối quan hệ nhiều chiều giữa người mua, người bán và chủ website khiến sự phân định quyền và trách nhiệm trong mỗi giao dịch trên website trở nên phức tạp. Để giải quyết vấn đề đó, Chương III Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các thương nhân, tổ chức chủ website và các thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ trên những website dạng này. Chương III cũng quy định một số nội dung mang tính đặc thù với mỗi loại hình website khác nhau, như quy chế hoạt động của giao dịch TMĐT, hợp đồng dịch vụ khuyến mại và thông tin về hàng hóa dịch vụ được khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến, hay các yếu tố mang tính kỹ thuật của một quy trình đấu giá tiến hành trên website đấu giá trực tuyến.

Nghị định quy định cụ thể ba cấp độ quản lý đối với hoạt động TMĐT, cụ thể:

- i) Các thương nhân, tổ chức, cá nhân khi thiết lập website TMĐT bán hàng phải làm thủ tục *thông báo* với cơ quan quản lý nhà nước;
- ii) Các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT phải làm tiến hành *đăng ký* website cung cấp dịch vụ;
- iii) Các tổ chức thực hiện một số chức năng giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT khác phải được xác nhận trước khi hoạt động.

2.3.1. Các quy định về điều kiện thiết lập và thủ tục thông báo website TMĐT bán hàng

Tại Điều 52 Nghị định 52, các đối tượng được thiết lập website TMĐT bán hàng bao gồm các thương nhân, tổ chức và cả cá nhân đã được cấp mã số thuế cá nhân. Việc cho phép cá nhân thiết lập website TMĐT bán hàng, thể hiện quyền tự do hoạt động thương mại của người dân và sự hài hòa giữa phương thức kinh doanh truyền thống và phương thức kinh doanh trên môi trường điện tử.

Các đối tượng này thực hiện hoạt động thông báo hoàn toàn trên môi trường

trực tuyến, thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ online.gov.vn. Các thông tin thông báo khá đơn giản và là các thông tin cơ bản được quy định tại Điều 53 Nghị định, ví dụ: tên miền website; loại hình hàng hóa, dịch vụ giới thiệu trên website; tên đăng ký của thương nhân, tổ chức hoặc tên của cá nhân sở hữu website; địa chỉ trụ sở của thương nhân, tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân và một số các thông tin cơ bản khác. Thảm quyết xác nhận thông báo website TMĐT bán hàng là Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số).

2.3.2. Các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT

Về điều kiện thiết lập website: Nghị định 52 quy định đối tượng được thiết lập website loại hình này là các thương nhân, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật. Mục đích của việc đăng ký là nhằm hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ TMĐT thiết lập website theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước thống kê và theo dõi hoạt động của những website TMĐT này. Việc xác nhận đăng ký cho một website cung cấp dịch vụ TMĐT không có nghĩa là xác nhận hay đảm bảo uy tín kinh doanh và chất lượng hàng hóa, dịch vụ giao dịch trên website đó.

Về thủ tục đăng ký: Thực hiện trực tuyến thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ online.gov.vn, không cần phải tiếp xúc với cán bộ xét duyệt hồ sơ.

Về thời điểm đăng ký: thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT phải tiến hành đăng ký website sau khi website đã được hoàn thiện với đầy đủ cấu trúc, tính năng và thông tin theo đề án tại hồ sơ, nhưng trước khi website chính thức cung cấp dịch vụ đến người dùng. Quy định này nhằm đảm bảo cho cơ quan cấp đăng ký có thể rà soát, đối chiếu giữa thông tin thực tế hiển thị trên website với những thông tin được cung cấp tại hồ sơ đăng ký, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan cấp đăng ký tư vấn cho doanh nghiệp chỉnh sửa, bổ sung những thông tin còn thiếu trước khi đưa website vào hoạt động, nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người sử dụng dịch vụ.

Về thẩm quyền cấp đăng ký: Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ, xác nhận đăng ký và quản lý, giám sát hoạt động của các website cung cấp dịch vụ TMĐT đã được cấp đăng ký.

2.3.3. Các hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong TMĐT

Bên cạnh các nội dung quy định về quản lý hoạt động đối với website

TMĐT, Nghị định 52 còn có những quy định đối với 03 hoạt động: (i) hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT; (ii) hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT; (iii) hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử.

- *Hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT*: Hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT là hoạt động tương đối đặc thù và thường được các đơn vị truyền thông, tổ chức bảo vệ người tiêu dùng, hiệp hội ngành hàng thực hiện ở những quy mô khác nhau. Việc đánh giá tín nhiệm website TMĐT có thể phản ánh ý kiến đánh giá chủ quan của người tiêu dùng, hoặc dựa trên một bộ tiêu chí khách quan của các chuyên gia, nhưng cơ quan đánh giá sẽ phải chịu trách nhiệm về đánh giá của mình. Đa số hoạt động đánh giá tín nhiệm hiện nay được thực hiện trên cơ sở không thường xuyên và chỉ là một phần nhỏ trong hoạt động của các tổ chức này.

Điều 61 Nghị định 52 quy định điều kiện tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT là các thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam; độc lập về mặt tổ chức và tài chính với các thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT được đánh giá tín nhiệm; có bộ tiêu chí và quy trình đánh giá website TMĐT được công bố công khai, minh bạch, áp dụng thống nhất cho các đối tượng được đánh giá. Nghị định 52 quy định, thương nhân, tổ chức thực hiện hoạt động này phải *đăng ký* với Bộ Công Thương.

- *Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử*: Điều 63 Nghị định 52 quy định về hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, với mục tiêu tạo thuận lợi cho giao dịch TMĐT trong xã hội. Do các chứng từ, hợp đồng điện tử được xác nhận bởi tổ chức chứng thực hợp đồng điện tử sẽ có giá trị tham chiếu khi giải quyết các tranh chấp thương mại về sau. Nghị định 52 quy định điều kiện về chủ thể cung cấp dịch vụ này là thương nhân, tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam, có đề án chi tiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ được Bộ Công Thương thẩm định. Theo đó, các đối tượng này khi thực hiện cung cấp dịch vụ phải có *giấy phép* hoạt động (có thời hạn theo đề nghị cấp phép) do Bộ Công Thương cấp.

2.4. An toàn an ninh trong giao dịch TMĐT

Do đặc thù của giao dịch TMĐT là được thực hiện trên môi trường mạng, các đối tác thực hiện giao dịch mua bán, thanh toán mà không cần phải gặp mặt trực tiếp, nên nhu cầu về thông tin cá nhân là rất lớn, bao gồm cả những thông tin riêng tư nhất của khách hàng. Thông tin cá nhân đã và đang trở thành thứ hàng hóa có giá trị đối với doanh nghiệp. Người tiêu dùng khó có thể hình dung hết được những nguy cơ thông tin cá nhân của mình bị khai thác bất hợp pháp khi

tham gia giao dịch, mua bán trên môi trường mạng.

Từ Điều 68 đến Điều 75 Nghị định 52 là các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT và an toàn thanh toán trong TMĐT. Các quy định trên được xây dựng trên cơ sở tham khảo các quy định khung của APEC về bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT (APEC Privacy Framework) để đảm bảo sự hài hòa với luật pháp quốc tế khi Việt Nam tham gia những cơ chế hợp tác về TMĐT của khu vực này trong tương lai.

Mục 1 Chương V “Bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT” cụ thể hóa quy định “Bảo vệ thông tin của người tiêu dùng” của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 để phù hợp với hoạt động thu thập thông tin trong môi trường điện tử. Mục này quy định rõ các nguyên tắc cũng như cách thức thực hiện các nguyên tắc về bảo vệ thông tin cá nhân, từ việc thông báo và xin phép người tiêu dùng khi thu thập, sử dụng thông tin, cho đến nguyên tắc sử dụng, đảm bảo an toàn, kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh cho thông tin cá nhân, cũng như trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện những quy định này.

Mục 2 “An toàn thanh toán trong TMĐT” quy định về trách nhiệm của những thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT trên đó có thực hiện thanh toán trực tuyến. Mục này cũng quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với một hệ thống thanh toán trực tuyến trên website TMĐT nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho thông tin thanh toán của khách hàng.

2.5. Về giải quyết tranh chấp và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong TMĐT

Chương VI Nghị định 52 đưa ra những quy định mang tính nguyên tắc về xử phạt vi phạm hành chính trong TMĐT (Điều 78). Ngoài ra, Chương VI cũng bao gồm một số quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong TMĐT (Điều 76) và thẩm quyền thanh tra, kiểm tra trong TMĐT (Điều 77).

Các hoạt động kinh doanh trên môi trường điện tử diễn ra rất đa dạng và phong phú, từ chủ thể tham gia hoạt động, đến mô hình – phương thức hoạt động, các loại hình hàng hóa, dịch vụ cũng đa dạng dẫn đến các hành vi vi phạm cũng phức tạp và tinh vi. Để đảm bảo môi trường lành mạnh cho TMĐT phát triển, bên cạnh việc xây dựng khung pháp lý điều chỉnh hoạt động TMĐT của các chủ thể trong xã hội, việc đảm bảo thực thi những quy định đó thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm cũng có vai trò không kém phần quan trọng. Trên tinh thần đó, trong giai đoạn 2014-2019, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành, hoặc tự ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, điều chỉnh các vấn đề về xử lý vi phạm hành chính trong TMĐT, về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực TMĐT.

2.6. Hạ tầng pháp luật quản lý hoạt động TMĐT sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP

Cùng với sự đổi mới liên tục của công nghệ, hoạt động TMĐT cũng là lĩnh vực chịu nhiều tác động và thay đổi nhanh chóng nhất. Nhiều mô hình TMĐT mới xuất hiện, đa dạng về cách thức hoạt động, phức tạp về chủ thể tham gia, một số mô hình bán các loại hình hàng hoá, dịch vụ chưa được điều chỉnh bởi các khuôn khổ pháp luật hiện hành; các hành vi vi phạm về TMĐT ngày càng diễn ra tinh vi; hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài phát sinh dưới nhiều hình thức, và một số vấn đề khác đang đặt ra yêu cầu mới đối với cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể: (i) Vấn nạn hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng kém chất lượng trên môi trường điện tử; (ii) Hoạt động TMĐT trên mạng xã hội đang bùng nổ và khó kiểm soát; (iii) Khó khăn trong quản lý hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài. Để tiếp tục hoàn thiện hạ tầng pháp lý trong lĩnh vực này, năm 2021, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị xây dựng dự thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định 85 nhằm hướng đến các mục đích sau đây:

(i) Hoàn thiện thể chế, pháp luật về TMĐT để đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT Việt Nam tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ thời gian qua, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong hệ thống thương mại nội địa;

(ii) Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định 52 đảm bảo môi trường lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng cho TMĐT, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT;

(iii) Cải cách TTHC, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích doanh nghiệp triển khai ứng dụng TMĐT.

Nghị định số 85 có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung mới được điều chỉnh trên cơ sở thực tiễn thi hành cũng như bối cảnh nhiều mô hình hoạt động TMĐT mới xuất hiện theo xu thế Cách mạng công nghiệp 4.0. Tám (08) quy định nổi bật trong Nghị định số 85 cụ thể như sau:

2.6.1. Quy định cụ thể hơn về thông tin hàng hóa, dịch vụ phải công bố trong giao dịch TMĐT

Nhằm minh bạch thông tin hàng hoá, dịch vụ trong hoạt động TMĐT, chống hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Nghị định 85 sửa đổi, bổ sung theo hướng cụ thể hóa những thông tin hàng hóa phải công khai trên website TMĐT, bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như: năm, tháng, ngày sản xuất; hạn sử dụng; số lô sản xuất; số khung, số máy.

Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trên website TMĐT bán hàng, người bán phải công bố số, ngày cấp và nơi cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện, văn bản xác nhận, hoặc các hình thức văn bản khác theo quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh của ngành, nghề và hàng hóa, dịch vụ đó.

2.6.2. Tăng cường trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT trong việc quản lý các giao dịch trên nền tảng của mình

Nhằm tăng tính minh bạch, lành mạnh của môi trường giao thương trên các sàn giao dịch TMĐT, Nghị định 85 bổ sung một số trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT như sau: yêu cầu người bán nước ngoài cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Nghị định 52, và các thông tin này phải được dịch sang tiếng Việt; gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong vòng 24 giờ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đáp ứng nhu cầu phản ứng nhanh trong quá trình xử lý vi phạm trên môi trường điện tử; phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ để gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi có căn cứ xác thực; Cung cấp thông tin với cơ quan nhà nước về thông tin các đối tượng có hành vi vi phạm, chủ động cập nhật từ khoá để lọc thông tin hàng hoá, dịch vụ theo khuyến cáo của cơ quan quản lý chức năng, đồng thời phải tham gia giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT của Bộ Công Thương.

Đối với sàn giao dịch TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến, ngoài các nghĩa vụ trên, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT có trách nhiệm chỉ định đầu mối tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin trực tuyến cho cơ quan quản lý nhà nước về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đầu mối này sẽ cung cấp thông tin trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu để kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Sàn giao dịch TMĐT cũng có trách nhiệm là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch TMĐT có nhiều hơn 2 bên tham gia.

2.6.3. Thu hẹp đối tượng thực hiện thủ tục thông báo với Bộ Công Thương

Thực tiễn triển khai từ giai đoạn 2013 đến 2021 cho thấy, nhiều website TMĐT bán hàng có cấu trúc tĩnh, chỉ đưa thông tin giới thiệu doanh nghiệp và giới thiệu về hàng hóa, dịch vụ, ít cập nhật thông tin, không có chức năng đặt hàng trực tuyến. Với những website dạng này, không có tương tác và giao dịch thực tế diễn ra trên website, do đó không phát sinh những vấn đề cần giám sát trên môi

trường điện tử. Do đó, Nghị định 85 sửa đổi, bổ sung theo hướng chỉ website TMĐT bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến mới phải thực hiện TTHC thông báo với Bộ Công Thương.

2.6.4. Quản lý hoạt động TMĐT trên mạng xã hội

Với mục tiêu thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ, hoàn thiện chính sách, tăng cường kiểm soát hoạt động TMĐT trên mạng xã hội, hạn chế hành vi lợi dụng mạng xã hội để buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng, Nghị định 85 đã bổ sung mạng xã hội có một trong các đặc tính sau thì được coi là sàn giao dịch TMĐT và phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý giống như sàn giao dịch TMĐT: (a) cho phép người tham gia mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ; (b) cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng; (c) có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ, đồng thời người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó.

2.6.5. Quản lý người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT

Từ việc xác định chủ sàn giao dịch TMĐT là người nắm giữ hệ thống công nghệ và quản lý toàn bộ thông tin về các giao dịch diễn ra trên sàn, Nghị định 85 quy định cụ thể trách nhiệm của chủ sàn giao dịch TMĐT trong việc quản lý người bán nước ngoài. Theo đó, chủ sàn giao dịch TMĐT Việt Nam là người chịu trách nhiệm xác thực danh tính của người bán nước ngoài khi cho phép các đối tượng này tham gia mua bán hàng hoá trên sàn; quy định này cũng phù hợp với các quy định về việc xác thực danh tính của người bán nội địa trên sàn giao dịch TMĐT. Sàn giao dịch TMĐT cũng có trách nhiệm đại diện cho người bán nước ngoài giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng, có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ thuế của người bán nước ngoài khi tham gia sàn giao dịch TMĐT theo quy định của pháp luật Việt Nam

Khi có hoạt động bán hàng hoá của thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT, chủ sàn có trách nhiệm yêu cầu người bán nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện quyền xuất/nhập khẩu theo quy định của pháp luật; hoặc tổ chức việc thực hiện hoạt động nhập khẩu theo ủy thác của người mua đối với hàng hóa; hoặc yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài chỉ định đại lý thương mại của mình tại Việt Nam.

2.6.6. Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam

Nghị định 85 bổ sung quy định điều chỉnh đối với các thương nhân, tổ chức

nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam - là thương nhân, tổ chức vận hành website cung cấp dịch vụ TMĐT đáp ứng một trong các tiêu chí sau: có tên miền Việt Nam; hoặc có ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt; hoặc có trên 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm.

Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam phải thực hiện thủ tục đăng ký với Bộ Công Thương trong vòng 12 tháng kể từ ngày Nghị định 85 có hiệu lực.

Ngoài việc đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam, những thương nhân, tổ chức nước ngoài này phải thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hoặc chỉ định đại diện ủy quyền của mình tại Việt Nam. Đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn các giao dịch hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; thực hiện nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam; thực hiện nghĩa vụ báo cáo với Bộ Công Thương số liệu thống kê về tình hình hoạt động của năm trước đó.

2.6.7. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

Hoạt động TMĐT là ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài đã được quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Nghị định 85 đã bổ sung các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài bao gồm (a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Luật Đầu tư; (b) Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối từ 01 doanh nghiệp trở lên thuộc nhóm 5 doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường dịch vụ TMĐT theo danh sách do Bộ Công Thương công bố phải có ý kiến thẩm định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường quy định tại điểm này không bao gồm doanh nghiệp có thị phần ít hơn 10% trên thị trường liên quan. Việc đánh giá yếu tố chi phối và vị trí thống lĩnh thị trường được căn cứ vào quy định hiện hành theo pháp luật cạnh tranh, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THI HÀNH CÁC NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2013/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 85/2021/NĐ-CP

I. Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật

Theo quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, Bộ Công Thương là đơn

vị chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện. Ngay sau Nghị định ban hành, Bộ Công Thương đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ chủ động, tích cực, tổ chức triển khai và thực hiện hoạt động tập huấn, phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ quản lý nhà nước tại 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các thương nhân, tổ chức và các cá nhân có liên quan đến nội dung quản lý hoạt động TMĐT, cũng như hướng dẫn thi hành và làm rõ các quy định trong Nghị định này.

Trong quá trình triển khai thi hành Nghị định 52, Bộ Công Thương thường xuyên tiếp nhận, trả lời vướng mắc của các thương nhân, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực TMĐT. Công tác hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc được thực hiện bằng nhiều hình thức như thông qua việc: hướng dẫn trực tiếp, công văn trả lời, công văn hướng dẫn nghiệp vụ, qua đường dây nóng điện thoại, qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT, qua thư điện tử... Thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT (online.gov.vn), Bộ Công Thương đã chủ động xây dựng chuyên mục các nhóm câu hỏi thường gặp, phục vụ trả lời những vấn đề thường nhật của người dân. Mặt khác, do các TTHC hiện hành về TMĐT được thực hiện 100% trên mạng, Bộ Công Thương đã thiết lập đường dây nóng, với 10 cán bộ trực tiếp trả lời điện thoại, thực hiện tư vấn và xử lý hồ sơ trực tuyến. Trung bình, trong giờ hành chính, Bộ Công Thương tiếp nhận hơn 6.500 cuộc tư vấn/năm cho người dân, thông qua đường dây nóng, hoặc trả lời trực tiếp, hoặc thông qua các hình thức trả lời bằng thư điện tử, trả lời bằng văn bản.

Việc giải đáp vướng mắc thông qua các hình thức nêu trên giúp cho thương nhân, tổ chức, cá nhân áp dụng pháp luật có cách hiểu và thực hiện đúng trong quá trình thực thi pháp luật về TMĐT, qua đó giúp bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên tham gia cũng như những người có liên quan.

II. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật trong lĩnh vực TMĐT

Trong giai đoạn 2013 đến nay, hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức về TMĐT đã được thực hiện liên tục, thường xuyên, thông qua nhiều hình thức, phương thức như: hội thảo, tập huấn, xuất bản sách, tài liệu, cổng thông tin điện tử, báo chí, đào tạo trực tuyến... Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật TMĐT được thực hiện cụ thể như sau:

- Thực hiện tuyên truyền, quảng bá thông tin tới thương nhân, tổ chức, cá nhân về các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Nghị định 85/2021/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP, Nghị định 124/2015/NĐ-CP, Thông tư số 47/2014/TT-BCT, Thông tư số 59/2015/TT-BCT... Đăng cảnh báo đến người dân nhiều trường hợp và hành vi lừa đảo như: Cảnh báo hiện tượng lừa đảo từ các

website nạp thẻ; Thông báo tới các website cung cấp dịch vụ TMĐT về chiêu thức lừa đảo mới trên các website, mạng xã hội; Khuyến cáo về việc kinh doanh áo in hình lá cần sa trên các website TMĐT; Cảnh báo tình trạng lừa đảo bằng cách giả mạo thư điện tử giao dịch của doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT gỡ bỏ các sản phẩm vi phạm; Cảnh báo lợi dụng TMĐT để lừa đảo; Cảnh báo về bán hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ...

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn mua sắm trực tuyến an toàn; hướng dẫn người tiêu dùng để tránh mua phải hàng giả, hàng nhái và đăng tải công khai trên website của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ online.gov.vn; Xây dựng Báo cáo TMĐT, Sách trắng TMĐT qua các năm theo đó cập nhật các thông tin mới nhất về hạ tầng pháp luật TMĐT.

- Xây dựng tài liệu hỏi đáp về pháp luật TMĐT để hướng dẫn các đơn vị thực thi pháp luật, doanh nghiệp và người dân về pháp luật TMĐT.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và giáo dục pháp luật, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp và người dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn), Cổng thông tin của Bộ Công Thương (moit.gov.vn), Website của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (idea.gov.vn), Cổng Thông tin quản lý hoạt động TMĐT (online.gov.vn), chuyên trang TMĐT trên báo điện tử www.vnexpress.net (ra mắt vào ngày 01/7/2015).

- Số liệu về hoạt động đào tạo, tập huấn về TMĐT trong giai đoạn 2013 đến nay cụ thể như sau:

- + Từ năm 2013 đến năm 2015, Bộ Công Thương đã chủ động, tích cực triển khai mỗi năm hơn 95 các chương trình hội thảo, tọa đàm, các khóa tập huấn, tuyên truyền về TMĐT, về công tác quản lý nhà nước, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, kiểm tra các website TMĐT tại các tỉnh, thành phố trên khắp cả nước. Đối tượng tham gia các khóa tập huấn là các cán bộ quản lý nhà nước ở địa phương, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, ngoài ra còn có sự tham gia của sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Các khóa tập huấn trong giai đoạn này đón nhận sự tham gia của trên 5.000 lượt học viên/năm.

- + Từ năm 2016 đến nay, Bộ Công Thương đã phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương tổ chức tổng cộng hơn 263 lớp tập huấn về TMĐT trên phạm vi toàn quốc, với sự tham gia của trên 30.000 học viên; trung bình mỗi năm tổ chức khoảng 52 lớp tập huấn tại các địa bàn tỉnh/thành phố khác nhau cho gần 6.000 học viên. Số liệu cụ thể như sau: năm 2016: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 51 lớp cho khoảng 5.400 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc; năm 2017: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 50 lớp cho khoảng 5.600 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và

sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo, tập huấn riêng biệt cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Hà Nội: 200 người; năm 2018: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 47 lớp cho khoảng 4.800 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Hà Nội: 11 lớp cho khoảng 220 người; năm 2019: tính đến hết tháng 11/2019, phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 62 lớp cho khoảng 5.800 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Hà Nội: 9 lớp cho khoảng 180 người. Phối hợp với Google đào tạo cho sinh viên và doanh nghiệp: 23 lớp cho khoảng 7.500 người.

- Bên cạnh các hình thức phổ biến, tuyên truyền, đào tạo trực tiếp, Bộ Công Thương còn triển khai các giải pháp và chương trình đào tạo về TMĐT trên môi trường trực tuyến (e-learning). Điển hình của chương trình e-learning là phối hợp với bộ phận bán hàng quốc tế của tập đoàn Amazon (Amazon Global Selling) để triển khai chương trình đào tạo 8 tuần về các kỹ năng bán hàng xuyên biên giới trên sàn giao dịch Amazon.com. Đối tượng tham gia là các giảng viên đại học chuyên trách về TMĐT, thương mại quốc tế. Nội dung thông tin tuyên truyền đã triển khai xoay quanh các mảng đề tài chính như: 1) Thông tin, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách phát triển TMĐT trong bối cảnh CMCN 4.0; 2) Thông tin, cập nhật các ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan tới việc quản lý hoạt động TMĐT; 3) Thông tin về các hành vi gian lận thương mại, xâm phạm quyền SHTT và cạnh tranh không lành mạnh trong TMĐT; 4) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng vi phạm quyền SHTT và cạnh tranh không lành mạnh trong TMĐT; 5) Quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT; 6) Thông tin về các sự kiện TMĐT thường niên mang tính kích cầu cho thị trường trong nước và mở rộng cho hoạt động TMĐT xuyên biên giới; 7) Công tác ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT tại các địa phương; 8) Thông tin về các giải pháp hỗ trợ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, ứng dụng các công nghệ số nhằm cải tiến mô hình sản xuất, kinh doanh; (9) Tập huấn, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về các cam kết TMĐT trong FTA mà Việt Nam đã ký kết và thực thi.

III. Thực trạng thông báo, đăng ký website, ứng dụng di động TMĐT của doanh nghiệp

Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT (online.gov.vn) được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2013, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo và đăng ký cung cấp dịch vụ TMĐT. Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT cho phép thương nhân, tổ chức,

cá nhân thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký đối với website TMĐT, ứng dụng trên thiết bị di động; đăng ký đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử.

Bộ Công Thương thực hiện quản lý hoạt động TMĐT theo quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, từ năm 2013 đến nay. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động TMĐT thực hiện mở tài khoản trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT và tiến hành khai báo hồ sơ cho website hoặc ứng dụng TMĐT của mình. Kết quả xác nhận của Bộ Công Thương với các nền tảng TMĐT là biểu tượng trực tuyến được gắn trực tiếp tại website, ứng dụng TMĐT. Kết quả xác nhận hoạt động TMĐT của website và ứng dụng TMĐT từ năm 2015 đến nay trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT ghi nhận có sự tăng trưởng vượt bậc, từ 7.286 tài khoản lên tới 89.548 tài khoản; đồng thời, số lượng tài khoản cá nhân cũng có sự tăng trưởng ấn tượng, từ 3.398 tài khoản vào năm 2015 lên tới 28.025 tài khoản vào năm 2024, tương đương số hồ sơ của tổ chức và cá nhân tăng hơn 11 lần trong gần một thập kỷ. Số liệu này cho thấy sự gia nhập mạnh mẽ của các tổ chức và cá nhân vào lĩnh vực TMĐT. Sự gia tăng đáng kể này không chỉ minh chứng cho sự chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang kinh doanh số hóa mà còn phản ánh xu hướng tiêu dùng mới của người dân, khi các nền tảng trực tuyến ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua sắm đa dạng, tiện lợi và nhanh chóng. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chỉ được đăng ký một tài khoản duy nhất tại Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT theo mã số thuế hoạt động, một tài khoản có thể nộp hồ sơ cho nhiều website, ứng dụng di động TMĐT.

Theo thống kê từ Cổng thông tin, số lượng website và ứng dụng di động TMĐT bán hàng được Bộ Công Thương xác nhận đã tăng từ 3.470 nền tảng vào năm 2014 lên 53.949 nền tảng vào năm 2024, tức tăng khoảng 15,6 lần trong vòng 10 năm. Đáng chú ý hơn, số lượng website và ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT (như các sàn giao dịch, nền tảng trung gian) đã tăng từ 39 nền tảng lên 1.048 nền tảng, với tốc độ tăng trưởng vượt bậc lên tới 26,9 lần trong cùng giai đoạn. Những con số này là minh chứng rõ ràng cho sự phát triển mạnh mẽ và ổn định của thị trường TMĐT Việt Nam, phản ánh sự quan tâm và đầu tư không ngừng của các doanh nghiệp trong nước cũng như sự tham gia ngày càng sâu rộng của các doanh nghiệp quốc tế. Sự tăng trưởng này còn cho thấy vai trò quan trọng của TMĐT trong việc thúc đẩy hiện đại hóa thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận thị trường rộng lớn hơn và gia tăng hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, nó cũng khẳng định sức hấp dẫn của thị trường TMĐT Việt Nam, khi liên tục thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn công nghệ, và các thương hiệu nổi tiếng, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những điểm sáng trên bản đồ TMĐT khu vực Đông Nam Á.

Số lượng website, ứng dụng di động TMĐT được Bộ Công Thương xác

nhận thông báo, đăng ký trong giai đoạn 2015-2024

Năm	Hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT (đăng ký)		Hoạt động TMĐT bán hàng (thông báo)	
	Website	Ứng dụng	Website	Ứng dụng
Năm 2015	44	0	2.893	0
Năm 2016	40	8	2.785	4
Năm 2017	45	11	3.900	8
Năm 2018	40	15	4.685	32
Năm 2019	53	40	4.921	34
Năm 2020	80	49	5.951	84
Năm 2021	116	44	6.871	100
Năm 2022	70	30	6.282	129
Năm 2023	102	51	4.707	95
Năm 2024	120	69	6.781	109
Tổng số	734	314	52.949	592

Nhằm giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các phản án, kiến nghị trong TMĐT, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, củng cố niềm tin cho các bên tham gia giao dịch TMĐT có ứng dụng công nghệ số và áp dụng giải quyết tranh chấp trực tuyến, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng Hệ thống quản lý và giải quyết phản ánh, kiến nghị trực tuyến trong TMĐT tại địa chỉ chonghanggia.online.gov.vn. Hệ thống quản lý và giải quyết phản ánh, kiến nghị trực tuyến trong TMĐT là hệ thống dịch vụ công mức độ 4, hỗ trợ tiếp nhận, kết nối xử lý các phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng trực tuyến. Hệ thống thực hiện giải pháp xây dựng mô hình giải quyết phản ánh trực tuyến trong TMĐT với mục đích tạo ra công cụ kết nối, chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các đơn vị chức năng trong và ngoài Bộ Công Thương giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các phản ánh trong TMĐT. Việc triển khai hệ thống góp phần vào việc thực hiện cam kết cải cách TTHC tại Bộ Công Thương trong giải quyết phản ánh về TMĐT, nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, củng cố niềm tin cho các bên khi tham gia giao dịch TMĐT. Trung bình mỗi năm Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý khoảng hơn 200 kiến nghị, các nội dung kiến nghị liên quan đến các hành vi như: không đăng ký, thông báo website/ứng dụng, cung cấp sản phẩm không đảm bảo chất lượng, giả mạo doanh nghiệp khác nhằm lừa đảo khách hàng.

IV. Tình hình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT

Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố được giao chức năng thực hiện kiểm tra, thanh tra các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập

website TMĐT theo khoản 2 Điều 77 Nghị định số 52. Trên cơ sở các nội dung quy định về TMĐT tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, Nghị định số 85/2021/NĐ-CP, Chính phủ ban hành một số văn bản điều chỉnh các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT, cụ thể:

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Theo đó, từ Điều 81 đến Điều 85 của Nghị định có các quy định cụ thể đối với từng hành vi vi phạm, bám sát nội dung về quản lý hoạt động TMĐT tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP;

- Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động ngành Công Thương, trong đó quy định Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (nay là Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) là một trong những cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Ngày 10/8/2016, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 15/2016/TT-BCT hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương. Các văn bản trên là cơ sở pháp lý để đơn vị chức năng thực hiện tốt hơn vai trò quản lý, giám sát, kiểm tra các website TMĐT nhằm phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm trong lĩnh vực quản lý của mình;

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thay thế Nghị định số 185/2013/NĐ-CP và Nghị định số 124/2015/NĐ-CP. Theo đó, từ Điều 62 đến Điều 66 của Nghị định có các quy định cụ thể đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực TMĐT;

- Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, trong đó có bổ sung sửa đổi các hành vi vi phạm trong lĩnh vực TMĐT quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022, Bộ Công Thương được giao xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án về chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT đến năm 2025. Ngày 29/3/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đã ký ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg phê duyệt Đề án trên (Đề án 319). Đề án là cơ sở pháp lý quan trọng để các Bộ, ngành, lực lượng chức năng thực hiện đồng bộ các giải pháp, như: Hoàn thiện khung khổ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật; đào tạo, bồi

dưỡng công chức thực thi công vụ cho công chức; xây dựng Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống giám sát, thu thập dữ liệu về giao dịch TMĐT trên các nền tảng mạng xã hội, cho phép kết nối, chia sẻ thông tin giữa các bộ, ngành, doanh nghiệp phục vụ công tác đấu tranh chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong hoạt động TMĐT; tăng cường hợp tác quốc tế về công tác chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong hoạt động TMĐT...

Năm 2024 cũng là năm trọng điểm xử lý vi phạm trong lĩnh vực TMĐT của đội ngũ quản lý thị trường. Trong bối cảnh gia tăng vấn đề về hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT, Tổng cục quản lý thị trường đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan tập trung triển khai Đề án 319, bên cạnh việc tổ chức khảo sát, đánh giá và kiến nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về hoạt động TMĐT, yêu cầu các sàn giao dịch TMĐT lớn như Shopee, Lazada, Tiki, Tiktokshop, Sendo chia sẻ thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường hoạt động sàng lọc, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm; trong năm 2024, lực lượng quản lý thị trường đã phát hiện, xử lý 3.124 vụ vi phạm (tăng 266% so với năm 2023), chuyển cơ quan điều tra 04 vụ, xử phạt vi phạm hành chính 48 tỷ đồng (tăng 220% so với năm 2023); đặc biệt, trị giá hàng hoá vi phạm trên 34 tỷ đồng (tăng 440% so với năm 2023). Đối với các nền tảng TMĐT xuyên biên giới đang hoạt động tại Việt Nam chưa tuân thủ các quy định của pháp luật, Tổng cục quản lý thị trường đã chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các lực lượng chức năng liên quan tăng cường giám sát, phát hiện, xử lý kho hàng, điểm tập kết hàng hoá (nếu có) và thông qua thực tiễn kiểm tra, rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Bên cạnh lực lượng quản lý thị trường, các cơ quan có chức năng thanh tra chuyên ngành của Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố được giao thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân hoạt động TMĐT theo khoản 2 Điều 77 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về TMĐT. Riêng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 07 đơn vị năm 2022 (tổng số tiền phạt 144 triệu đồng); 04 đơn vị năm 2023 (tổng số tiền phạt 126 triệu đồng). Năm 2024, với 05 đơn vị kiểm tra, 02 đơn vị thanh tra theo kế hoạch được phê duyệt, tổng mức xử phạt hành chính do Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xử phạt là 222 triệu đồng). Bộ Công Thương (đầu mối là Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) thường xuyên phối hợp với chủ sàn giao dịch TMĐT rà soát, lọc theo từ khóa các sản phẩm vi phạm pháp luật. Năm 2022, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã yêu cầu các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động TMĐT gỡ bỏ/khóa 1.663 gian hàng với 6.437 sản phẩm vi phạm; Chặn 5 website vi phạm có dấu hiệu lợi dụng TMĐT để kinh

doanh hàng giả, hàng nhái và hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ; Năm 2023: gỡ bỏ hơn 20.000 gian hàng với hơn 50.000 sản phẩm vi phạm. Năm 2024, trong quý I, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số cùng Cục An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao – Bộ Công An tạm thu giữ 125.088 sản phẩm các loại bao gồm thực phẩm, mỹ phẩm, hàng gia dụng... (thuộc 242 danh mục sản phẩm hàng hóa) của đối tượng Nguyễn Hoàng Mai Ly; ngoài ra Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số thực hiện gỡ bỏ các loại thực phẩm bổ sung, sản phẩm thuốc Đông y, mỹ phẩm không rõ nguồn gốc, các thiết bị gây nhiễu (thiết bị phá sóng) và thiết bị kích sóng điện thoại di động, các sản phẩm bánh trung thu giá rẻ, kém chất lượng và nhiều sản phẩm từ động vật hoang dã và các thiết bị bẫy, lưới, các thiết bị dẫn dụ để bắt, tận diệt các loại động vật hoang dã, đặc biệt là chim di cư, các sản phẩm là thuốc kê đơn đang được bán lẻ không theo quy định của pháp luật, kết quả đã gỡ bỏ 3.202 sản phẩm và chặn 1.228 gian hàng vi phạm.

Kết quả kiểm tra, xử lý cho thấy trong năm 2024, các vi phạm chủ yếu về TMĐT phần lớn tập trung vào các hành vi như: không thông báo website TMĐT bán hàng với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định trước khi bán hàng; sử dụng biểu tượng đã đăng ký, đã thông báo để gắn lên website cung cấp dịch vụ TMĐT hoặc ứng dụng dịch vụ TMĐT khi chưa được xác nhận đăng ký của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; không công bố hoặc công bố không đầy đủ, không chính xác trên website TMĐT bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng thông tin về chủ sở hữu website hoặc ứng dụng và các hành vi vi phạm chủ yếu khác sau khi kiểm tra dự trên dấu hiệu vi phạm ban đầu về lĩnh vực TMĐT như: kinh doanh hàng hoá nhập lậu; không đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định khi thực hiện khuyến mại; kinh doanh hàng hoá không rõ nguồn gốc, xuất xứ; không đăng ký thành lập hộ kinh doanh trong những trường hợp phải đăng ký theo quy định.

Nhằm đẩy mạnh Chính phủ điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ doanh nghiệp và người dân một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả, Bộ Công Thương cũng xây dựng các hệ thống website quản lý nhà nước trong nhiều lĩnh vực để cung cấp cho người dân và doanh nghiệp như Hệ thống Cổng Dịch vụ công Bộ Công Thương (dichvucong.moit.gov.vn); Hệ thống Đăng ký website TMĐT (online.gov.vn); Hệ thống Khiếu nại vụ việc cạnh tranh/Khiếu nại vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng/Khiếu nại vi phạm quy định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (vcca.gov.vn); Hệ thống Lấy ý kiến góp ý các Dự thảo văn bản (legal.moit.gov.vn); Hệ thống phản ánh, kiến nghị, khiếu nại website TMĐT (chonghanggia.online.gov.vn). Các hệ thống này đóng vai trò là kênh thông tin chính thức của Bộ Công Thương để cung cấp các thông tin được xác

thực tới cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

Bộ Công Thương đã và đang tập trung xây dựng, cung cấp danh sách một số đường dây nóng liên quan đến các lĩnh vực do Bộ quản lý để doanh nghiệp và người dân tham khảo như Tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng 18006838; Đường dây nóng kiểm tra văn bản hành chính của Bộ Công Thương 02422202133; Tổng đài giải đáp tư vấn về xuất nhập khẩu 02422202240; Tổng đài hỗ trợ trực tuyến Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử 02422205513; Tổng đài phản ánh kiến nghị với lực lượng quản lý thị trường 1900888655; Đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật hệ thống Dịch vụ công trực tuyến Bộ Công Thương 02422205395; Đường dây nóng phản ánh, kiến nghị, khiếu nại về website TMĐT 02422205512.

PHẦN III. PHÂN TÍCH NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ TRONG VIỆC THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ TMĐT.

I. Khó khăn khi chưa có khái niệm đồng bộ và thống nhất về nền tảng số trong lĩnh vực TMĐT

Trong bối cảnh Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 chính thức có hiệu lực, nhiều khái niệm mới như "nền tảng số" và "nền tảng số trung gian" đã được đề cập và bước đầu định hình. Tuy nhiên, thực tiễn thực thi pháp luật trong lĩnh vực TMĐT đang đối mặt với thách thức lớn về việc chưa thống nhất trong định nghĩa và cách hiểu về các khái niệm này.

Thứ nhất, khái niệm "nền tảng số" trong các văn bản luật hiện nay chủ yếu được định nghĩa chung chung, chưa có những quy định làm rõ những nền tảng chuyên ngành đặc biệt trong lĩnh vực TMĐT, dẫn đến khó khăn khi áp dụng vào các mô hình kinh doanh đặc thù trên không gian mạng. Mặt khác, ranh giới giữa "nền tảng số", "nền tảng số trung gian" và các "nền tảng số kinh doanh trực tiếp" vẫn chưa được phân định rõ ràng, tạo khoảng trống pháp lý và khó khăn trong quản lý.

Thứ hai, sự chưa đồng bộ trong khái niệm về "nền tảng số" gây ra những rào cản khi xây dựng và áp dụng các chính sách liên quan. Một số nền tảng xuyên biên giới hay một số các nền tảng đa dịch vụ hay các nền tảng nhỏ trong nền tảng lớn có thể lợi dụng các lỗ hổng này để tránh các nghĩa vụ pháp lý về TMĐT như thiếu các quy định về trách nhiệm của chủ nền tảng, trách nhiệm về minh bạch thông tin hàng hoá, sản phẩm, trách nhiệm về kê khai thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hay các trách nhiệm liên quan đến quảng cáo và giao dịch. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả quản lý mà còn gây bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.

Thứ ba, việc thiếu khái niệm đồng bộ cũng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phối hợp liên ngành. Nền tảng số trong lĩnh vực TMĐT thường liên quan đến nhiều ngành khác nhau, từ công nghệ thông tin, công an, thuế, hải quan, quản lý doanh nghiệp đến quản lý thị trường. Khi khái niệm không được định nghĩa rõ ràng, việc phối hợp giữa các cơ quan gặp nhiều khó khăn, dẫn đến sự chồng chéo trong thực thi pháp luật.

II. Khó khăn trong quản lý hoạt động TMĐT trên các mô hình đặc thù TMĐT xuyên biên giới

Hiện nay, Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP đã đưa ra các quy định về hoạt động TMĐT và các mô hình TMĐT. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của các mô hình TMĐT mới, như TMĐT xuyên biên giới và hoạt động kinh doanh trên mạng xã hội, các quy định hiện hành chưa bao quát được đầy đủ. Theo Điều 67a của Nghị định 52/2013/NĐ-CP về TMĐT (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP), không phải tất cả các sản phẩm TMĐT xuyên biên giới đều thuộc phạm vi điều chỉnh, mà chỉ những thương nhân, tổ chức có website đáp ứng các điều kiện nhất định, chẳng hạn như: có tên miền Việt Nam; hoặc có ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt; hoặc có trên 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm. Các sản phẩm này có thể hoạt động mà không cần đăng ký nếu họ chưa đáp ứng các tiêu chí trên, họ cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng theo quy định của nước sở tại và pháp luật quốc tế có liên quan. Tại Việt Nam, khâu quản lý các sản phẩm TMĐT xuyên biên giới thuộc phạm vi điều chỉnh được quy định cụ thể tại các khía cạnh sau:

Thứ nhất, các nền tảng này phải thực hiện đăng ký hoạt động trước khi chính thức gia nhập thị trường: Theo Nghị định 85, các sản phẩm TMĐT phải đăng ký hoạt động nếu đáp ứng các tiêu chí trên và thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc chỉ định đại diện theo ủy quyền để thực hiện trách nhiệm pháp lý.

Thứ hai, các nền tảng này phải có quy chế hoạt động công khai, minh bạch, phải công khai quy chế hoạt động trên trang web của họ, bao gồm quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch, cũng như các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và xử lý vi phạm.

Thứ ba, các nền tảng này phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước để ngăn chặn các giao dịch vi phạm pháp luật, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Về cơ bản, nội dung quy định tại Nghị định 52 và 85 đã bao quát được các quy định về TMĐT có yếu tố nước ngoài; tuy nhiên, Nghị định chưa có quy định chế tài ràng buộc đủ mạnh đối với các nền tảng xuyên biên giới không có hiện

diện tại Việt Nam; chưa có quy định phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan như hải quan, thuế, quản lý thị trường trong quá trình thực thi; chưa có quy định phối hợp trong quản lý và giám sát chất lượng hàng hoá, quản lý thanh toán số hay các hệ sinh thái hỗ trợ TMĐT xuyên biên giới.

Mặt khác, cơ chế phân cấp, phân quyền quản lý TMĐT giữa các cơ quan Trung ương và địa phương trong thực hiện thủ tục cấp phép, đăng ký, thông báo trong TMĐT trong Nghị định chưa có quy định. Một số địa phương gặp khó khăn trong việc quản lý, giám sát hoạt động TMĐT tại địa bàn tỉnh, dẫn đến việc thiếu sự tham gia của các địa phương trong việc phát triển và quản lý hoạt động TMĐT. Việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước cũng là chủ trương, định hướng dài hạn của Chính phủ tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/1/2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

III. Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT

Hiện nay, Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP có nhắc đến trách nhiệm của các đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ hỗ trợ TMĐT tử như logistics; tuy nhiên, do là văn bản dưới luật và chỉ hướng dẫn quy định về hoạt động TMĐT, Nghị định thiếu các quy định cụ thể và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn trong việc quản lý các mô hình trung gian hỗ trợ TMĐT, chưa bao quát được các dịch vụ hỗ trợ TMĐT như các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP), và các đơn vị cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing); Nghị định cũng chưa có những quy định rõ ràng về việc các đơn vị trung gian phải có cơ chế hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý hoạt động TMĐT, trong đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng hay cơ chế phối hợp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hàng hoá, sản phẩm giả, nhái, hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT.

Việc chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT có thể dẫn đến một số vấn đề nghiêm trọng:

Thứ nhất, thiếu sự quản lý và giám sát đối với các mô hình trung gian. Nếu không có quy định rõ ràng về trách nhiệm của các đơn vị trung gian, các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng và hỗ trợ TMĐT có thể không tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo mật, chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Điều này có thể dẫn đến môi trường giao dịch không an toàn, gây khó khăn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp trong việc tham gia vào các hoạt động TMĐT.

Thứ hai, tồn tại những rủi ro về an toàn thông tin và an ninh mạng. Khi các đơn vị trung gian như nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) và các dịch vụ tiếp thị liên kết (affiliate marketing) có thể không có đủ cơ chế đảm bảo an toàn thông tin,

gây ra nguy cơ rò rỉ dữ liệu, xâm phạm quyền riêng tư của người tiêu dùng và các vấn đề liên quan đến bảo mật trong giao dịch điện tử.

Thứ ba, khi không có cơ chế hợp tác rõ ràng giữa các đơn vị trung gian và cơ quan quản lý nhà nước, việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, như buôn bán hàng giả, hàng nhái, hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các nền tảng TMĐT, sẽ trở nên phức tạp. Các cơ quan quản lý sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi và xử lý các hành vi vi phạm, làm giảm hiệu quả trong công tác bảo vệ người tiêu dùng, quản lý hoạt động TMĐT và các lĩnh vực liên quan khác.

Thứ tư, việc không có quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian trong việc bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng sẽ tạo ra sự phát triển không bền vững của TMĐT. Việc thiếu rõ ràng trong quy định về trách nhiệm của các đơn vị trung gian có thể gây ra môi trường TMĐT không ổn định, không có tính cạnh tranh lành mạnh, làm giảm sự tin tưởng của người tiêu dùng và doanh nghiệp vào các nền tảng TMĐT, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành.

IV. Chưa thống nhất quy định về cấp phép dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong lĩnh vực TMĐT

Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP có yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử phải thực hiện đăng ký với Bộ Công Thương để đảm bảo sự tuân thủ các quy định trong lĩnh vực TMĐT. Tuy nhiên, theo Luật Giao dịch điện tử năm 2023, các dịch vụ này không chỉ phải đăng ký với Bộ Công Thương mà còn phải thực hiện thủ tục cấp phép khác liên quan đến dịch vụ tin cậy. Hợp đồng điện tử bản chất là hợp đồng dân sự, là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Trên môi trường TMĐT, dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong lĩnh vực TMĐT rất cần thiết để tạo cơ sở thông tin, giao dịch minh bạch, tránh những rủi ro trong lưu trữ, bảo mật thông tin khi giải quyết tranh chấp hay xử lý vi phạm. Việc thiếu quy định rõ ràng sẽ dẫn đến việc các nhà cung cấp dịch vụ không được kiểm tra về tính hợp pháp, uy tín và chất lượng. Điều này có thể gây khó khăn trong việc phân biệt các nhà cung cấp dịch vụ đáng tin cậy và các dịch vụ không đảm bảo tính pháp lý. Mặt khác, nếu không thống nhất yêu cầu đăng ký và cấp phép đồng bộ, cơ quan nhà nước sẽ gặp khó khăn trong việc theo dõi và giám sát hoạt động của các dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, dịch vụ tin cậy. Điều này làm gia tăng khả năng vi phạm pháp luật mà không bị phát hiện hoặc xử lý kịp thời.

V. Chưa có nội dung quy định cụ thể về phát triển TMĐT bền vững

Hiện nay, các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP đã đưa ra các khung pháp lý cơ bản về hoạt động và các mô hình

hoạt động của TMĐT. Nghị định cũng đã có những quy định cơ bản về Chương trình phát triển TMĐT quốc gia tại Điều 7, về cơ bản đây là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động phát triển TMĐT theo từng giai đoạn nhằm mục tiêu khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng TMĐT để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy giao dịch thương mại trong nước và xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng TMĐT theo hướng hiện đại hóa; Nghị định năm 2013 cũng chỉ ra được 07 nội dung hoạt động của Chương trình. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của TMĐT, các quy định hiện hành cần được điều chỉnh theo hướng TMĐT phát triển bền vững để duy trì sự phát triển lâu dài.

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM) công bố năm 2024, sự phát triển nhanh chóng của ngành TMĐT Việt Nam kéo theo nhiều vấn đề môi trường, đặc biệt là rác thải từ đóng gói, hoàn thiện đơn hàng và giao đồ ăn trực tuyến. Nếu không có giải pháp hiệu quả trong việc giảm thiểu rác thải nhựa, dự báo rằng đến năm 2030, khi quy mô thị TMĐT đạt 100 tỷ USD, lượng rác thải nhựa từ lĩnh vực này có thể lên tới 800.000 tấn. Trong năm qua, thị trường mua sắm trực tuyến và giao đồ ăn tại Việt Nam đã đạt quy mô lần lượt 22 tỷ USD và 1 tỷ USD, thải ra khoảng 160.000 tấn bìa carton và 171.000 tấn nhựa, chủ yếu là loại nhựa dùng một lần, theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF). Riêng ngành TMĐT đã thải ra hơn 7.600 tấn nhựa để bán ra 1 tỷ USD, trong khi giao đồ ăn thải gần 18.600 tấn nhựa.

Từ thực tiễn nêu trên cho thấy, TMĐT đang đối mặt với vấn đề gia tăng đáng kể lượng rác thải từ bao bì đóng gói và vận chuyển, gây áp lực lớn lên môi trường. Đồng thời, các tiêu chuẩn xanh và trách nhiệm phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu phổ biến trong hoạt động TMĐT toàn cầu, đòi hỏi các doanh nghiệp phải tích hợp các giải pháp giảm phát thải, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và xây dựng chuỗi cung ứng xanh. Vì vậy, việc xây dựng chính sách TMĐT giai đoạn tới cần nhấn mạnh vào phát triển hạ tầng TMĐT thân thiện với môi trường, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh và tăng cường nhận thức người tiêu dùng về tiêu dùng bền vững. Những bước đi này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn nâng cao tính cạnh tranh của TMĐT Việt Nam, góp phần tạo nên một nền kinh tế số phát triển bền vững.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

I. Kết luận

Từ những tổng kết, đánh giá và phân tích kết quả đạt được trong quản lý hoạt động TMĐT theo Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP, cùng với những khó khăn, hạn chế trong thực tiễn triển khai, có thể thấy qua hơn 10 năm thực hiện, hành lang pháp lý cho hoạt động TMĐT tại

Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng được thực trạng quản lý thời gian vừa qua, đồng thời mang lại nhiều kết quả tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển của TMĐT. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển nhanh, vượt bậc của TMĐT trong bối cảnh hội nhập kinh tế và CMCN 4.0, việc xây dựng một bộ luật chuyên ngành TMĐT là yêu cầu cấp thiết. Các lý do cụ thể bao gồm:

Thứ nhất, cần văn bản có tính pháp lý cao và ổn định hơn. Việc ban hành bộ luật chuyên ngành về TMĐT sẽ là cơ sở để điều chỉnh các vấn đề mang tính nguyên tắc và toàn diện trong lĩnh vực TMĐT. Nghị định hiện nay không đủ bao quát các vấn đề quan trọng, phức tạp của các mô hình nền tảng đa dịch vụ, nền tảng trong nền tảng, nền tảng xuyên biên giới, nền tảng mạng xã hội và các nền tảng chuyên ngành trong các lĩnh vực khác như quảng cáo hay sản phẩm nội dung thông tin số.

Thứ hai, thực tiễn quản lý cho thấy, TMĐT là lĩnh vực phức tạp, liên quan đến nhiều bên, bao gồm cả những đơn vị ngoài lãnh thổ Việt Nam do các hạ tầng dịch vụ TMĐT được cung cấp dựa trên cơ sở hạ tầng Internet, công nghệ thông tin và an toàn thông tin, an ninh mạng. Cần thiết có một khung pháp lý ổn định, lâu dài để đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong giao dịch, đặc biệt là các giao dịch xuyên biên giới.

Thứ ba, TMĐT không chỉ giới hạn trong việc quản lý hoạt động mua bán trực tuyến mà còn liên quan đến nhiều lĩnh vực như vấn đề về quản lý thuế, về bảo vệ người tiêu dùng, về đầu tư, về quản lý, giám sát hải quan, về kiểm soát chất lượng hàng hoá, an toàn thực phẩm, về thanh toán, về logistic, vận chuyển hay nhiều vấn đề liên quan đến các dịch vụ khác có sự đan xen giữ hoạt động TMĐT với các lĩnh vực khác về quản lý đặc thù chuyên ngành khác.

Thứ tư, Nghị định hiện hành quy định về TMĐT chưa thực sự đồng bộ với các quy định pháp luật khác. Các văn bản trụ cột làm căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị định hiện nay đã có nhiều thay đổi như Luật Giao dịch điện tử (năm 2023) đã bổ sung các khái niệm, mô hình mới về nền tảng số, nền tảng số trung gian; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (năm 2023) đã bổ sung nhiều quy định mới về quyền và nghĩa vụ các chủ sở hữu các nền tảng số trong môi trường TMĐT, trong đó có những quy định đặc thù điều chỉnh các nền tảng số có quy mô lớn và rất lớn; pháp luật về quản lý thuế cũng đã có những quy định về trách nhiệm kê khai và nộp thuế của các tổ chức, cá nhân tham gia TMĐT, trách nhiệm kê khai thay, nộp thuế thay của chủ các sàn giao dịch TMĐT; pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ cũng có sự bổ sung, sửa đổi quy định mới đảm bảo bảo vệ các sản phẩm trí tuệ trong môi trường trực tuyến.

Việc xây dựng bộ luật chuyên ngành về TMĐT là yêu cầu cấp thiết bởi:

1.1. Cần thiết về tính hài hòa, thống nhất, toàn diện, ổn định của hệ thống pháp luật về TMĐT

- Đảm bảo tính pháp lý cao hơn và ổn định hơn

Để đảm bảo tính pháp lý cao hơn và ổn định hơn của các văn bản pháp luật, cần xây dựng Luật TMĐT thay vì duy trì các văn bản ở cấp nghị định vì luật có giá trị pháp lý cao hơn nghị định, là cơ sở để điều chỉnh các vấn đề quan trọng, mang tính nguyên tắc và toàn diện trong lĩnh vực TMĐT. Nghị định phải được ban hành trên cơ sở một luật. Nếu không có luật gốc làm cơ sở, nghị định sẽ không đủ mạnh để điều chỉnh các vấn đề quan trọng trong lĩnh vực TMĐT. Hơn nữa, TMĐT là một lĩnh vực phức tạp, liên quan đến nhiều bên, cả trong nước lẫn nước ngoài, do vậy, cần phải có một khung pháp lý ổn định, lâu dài để điều chỉnh.

- Đáp ứng yêu cầu điều chỉnh toàn diện

TMĐT liên quan đến nhiều lĩnh vực như thương mại, giao dịch điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý thuế, bảo mật dữ liệu, chống gian lận thương mại,... Vì vậy, quan hệ pháp luật trong lĩnh vực TMĐT hiện đang được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc các ngành luật khác nhau, như Luật Thương mại, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, và Luật An ninh mạng. Mặc dù vậy, các quy định hiện hành trong các luật chung hiện nay không đủ chi tiết, cụ thể để xử lý các vấn đề đặc thù, phức tạp của TMĐT. Để điều chỉnh chi tiết và toàn diện các vấn đề này, cần thiết phải xây dựng văn bản ở cấp luật.

- Đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo, trùng lặp

Ngoài ra, các Nghị định hiện hành chưa đồng bộ với các quy định pháp luật khác như Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Quản lý thuế, Luật Sở hữu trí tuệ,... Một số Luật liên quan đến lĩnh vực TMĐT đều mới được ban hành trong thời gian gần đây, theo đó, mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số khái niệm và quy định mới. Do vậy, việc xây dựng Luật TMĐT giúp tránh chồng chéo và mâu thuẫn pháp lý giữa các quy định.

Việc ban hành một Luật chuyên ngành TMĐT chuyên biệt sẽ không chỉ để giải quyết các vấn đề hiện tại mà còn định hình tương lai của lĩnh vực TMĐT, đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa quản lý nhà nước, quyền lợi người tiêu dùng, và lợi ích doanh nghiệp.

1.2. Cần thiết hoàn thiện quy định về các mô hình TMĐT hoạt động mới chưa có điều chỉnh riêng

Với sự xuất hiện của các công nghệ mới, nền tảng mới như dữ liệu lớn (Big

Data), trí tuệ nhân tạo (AI), thương mại qua mạng xã hội (Social Commerce), các mô hình TMĐT ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng, nhưng hiện nay chưa có quy định pháp luật điều chỉnh riêng biệt. Đặc biệt, một xu hướng phát triển nhanh chóng của TMĐT là hoạt động livestream bán hàng chỉ được điều chỉnh chung giống như một hoạt động quảng cáo đi kèm với bán hàng, mà chưa có các quy định riêng về các chủ thể tham gia livestreams (chủ tài khoản, người tham gia livestreams), các trường thông tin tối thiểu phải cung cấp cho người xem, trình độ chuyên môn của người thực hiện livestreams, định danh chủ tài khoản và các vấn đề về kiểm soát thông tin trong quá trình phát livestreams. Việc các mô hình, xu hướng trên vượt ra ngoài phạm vi điều chỉnh của các chính sách hiện hành cũng như các vấn đề liên quan để bảo vệ dữ liệu cá nhân khiến cho việc quản lý gặp nhiều khó khăn, bất cập.

Giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử đã được thừa nhận trong các văn bản pháp luật hiện hành bao gồm Luật Giao dịch điện tử 2024 và Nghị định 52. Bộ luật Tố tụng dân sự cũng chấp nhận chứng cứ điện tử. Tuy nhiên, các quy định hiện hành mang tính nguyên tắc, chưa có các quy định cụ thể về phương thức ký kết hợp đồng điện tử trong thương mại như thế nào để hợp đồng đó có giá trị làm chứng cứ. Điều này dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thường ưu tiên sử dụng phương tiện điện tử để ký kết hợp đồng, sau đó mới tiến hành giao nhận "văn bản giấy" như một biện pháp "phòng vệ" trong trường hợp xảy ra tranh chấp, đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn.

Những vướng mắc và bất cập trong việc quản lý lĩnh vực TMĐT như đã nêu ở trên đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến hệ thống pháp luật, cần được nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung theo đúng chủ trương của Đảng và Chính phủ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới và đảm bảo theo kịp sự phát triển của các nền TMĐT trên thế giới.

1.3. Cần thiết tăng cường quản lý, giám sát trong lĩnh vực TMĐT

a) Về kiểm soát chủ thể tham gia giao dịch và lượng giao dịch

Kiểm soát người bán trên các nền tảng TMĐT vẫn đang là thách thức với cơ quan quản lý nhà nước. Văn bản pháp lý về TMĐT hiện đang giao trách nhiệm cho chủ nền tảng TMĐT trong việc xác định danh tính của người bán trong nước và nước ngoài trên sàn. Điều này dẫn đến các vấn đề:

- Khó khăn trong xác định danh tính người bán: Hiện tại, nhiều nền tảng TMĐT chưa định danh và xác thực điện tử đối với người bán, dẫn đến việc khó kiểm soát chính xác thông tin về người bán, đặc biệt là với người bán ở nước ngoài hoặc người bán không tuân thủ quy định pháp luật. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước cũng không nắm được một người bán hoạt động trên bao nhiêu nền

tăng TMĐT.

- Khó khăn trong việc truy vết và xử lý vi phạm: Việc chưa có quy định chặt chẽ về việc xác minh và lưu trữ thông tin người bán làm cho công tác điều tra và xử lý vi phạm trong giao dịch TMĐT trở nên phức tạp. Các cơ quan chức năng khó truy vết kho hàng hoặc đối tượng bán hàng khi có vi phạm.

- Rủi ro về gian lận và trốn thuế: Vì không có cơ chế định danh điện tử cũng như kiểm tra, giám sát toàn diện, các nền tảng TMĐT có thể bị lạm dụng để thực hiện các hoạt động gian lận hoặc trốn thuế. Các cơ quan quản lý, đặc biệt là cơ quan thuế, không thể theo dõi đầy đủ các giao dịch và hoạt động của người bán.

- Vấn đề bảo vệ người tiêu dùng: Người tiêu dùng khó có thể xác minh độ tin cậy của người bán trên các sàn TMĐT nếu thông tin về người bán không được rõ ràng và minh bạch. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người tiêu dùng và làm giảm độ tin cậy của nền tảng TMĐT.

b) Về vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng

Vấn đề kiểm soát hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng tiếp tục là mối quan ngại chung của cả thị trường thương mại truyền thống lẫn TMĐT, đồng thời nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV. Mặc dù các văn bản pháp lý về TMĐT đã quy định việc rà soát, kiểm soát và xử lý các thông tin cũng như hoạt động vi phạm, nhưng những hành vi vi phạm trong không gian mạng ngày càng trở nên tinh vi. Điều này đòi hỏi cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng và áp dụng các công cụ quản lý hiệu quả hơn để giải quyết triệt để vấn đề.

Với các tồn tại nêu trên trong việc thực thi TMĐT, việc ban hành Luật TMĐT sẽ đảm bảo việc lấp đầy các khoảng trống pháp lý trong giám sát, kiểm soát trong lĩnh vực TMĐT.

1.4. Cần thiết tăng cường quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới

a) Về kiểm soát TMĐT xuyên biên giới

Mặc dù Nghị định 85 đã đưa ra những quy định cơ bản về điều kiện áp dụng cho các chủ thể cung cấp dịch vụ TMĐT xuyên biên giới tại thị trường Việt Nam, nhưng các quy định này vẫn chưa đủ mạnh mẽ và hiệu quả. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều nền tảng TMĐT xuyên biên giới hoạt động tại Việt Nam mà chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý chính thức. Hơn nữa, các quy định pháp lý đối với TMĐT xuyên biên giới hiện tại nhìn chung còn "nhẹ nhàng" hơn so với các quy định áp dụng cho các chủ thể có hoạt động đầu tư chính thức tại thị trường trong nước, gây ra sự thiếu công bằng trong môi trường cạnh tranh. Ngoài ra, chưa có

quy định phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan như hải quan, thuế, quản lý thị trường trong quá trình thực thi; chưa có quy định phối hợp trong quản lý và giám sát chất lượng hàng hoá, quản lý thanh toán số hay các hệ sinh thái hỗ trợ TMĐT xuyên biên giới.

b) Về tương quan giữa hàng hóa trong nước và nước ngoài

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu và khách quan, dẫn đến sự gia tăng cạnh tranh trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng mở cửa, kể cả trước và sau khi hình thức TMĐT xuất hiện. Tuy nhiên, cần cân nhắc các khía cạnh khác. Hiện nay, chính sách của Việt Nam không đặt ra giới hạn về số lượng hay loại hình hàng hóa nhập khẩu qua phương thức TMĐT. Trong khi đó, nhiều quốc gia khác áp dụng các quy định chặt chẽ đối với hàng hóa nhập khẩu qua TMĐT. Điều này vô hình chung tạo ra sự bất lợi và một sân chơi không công bằng cho hàng hóa Việt Nam khi tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Việc các quốc gia đã xây dựng luật riêng hoặc các chính sách riêng về TMĐT để điều chỉnh và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này, trong đó có những quy định chặt chẽ về TMĐT xuyên biên giới, đặt ra các bài toán cho cơ quan quản lý của Việt Nam trong việc đảm bảo cạnh tranh nhưng cũng hài hòa, đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực TMĐT.

1.5. Cần thiết đẩy mạnh cải cách TTHC, phân cấp, phân quyền cho địa phương trong lĩnh vực TMĐT

Hiện nay, toàn bộ 15 TTHC liên quan đến TMĐT đều được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và miễn phí trên Cổng dịch vụ công của Bộ Công Thương. Các TTHC này hiện đều là TTHC cấp Trung ương, do tính chất không phụ thuộc vào địa giới hành chính cũng như sự phức tạp trong việc xử lý hồ sơ. Theo số liệu thống kê, số lượng website/ứng dụng TMĐT cung cấp dịch vụ TMĐT đã hoàn thành thủ tục pháp lý với Bộ Công Thương tăng từ 106 năm 2013 đến 48.348 năm 2023, số lượng website/ứng dụng TMĐT bán hàng hoạt động hợp pháp tăng từ 647 năm 2013 đến 1.218 năm 2023.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về phân cấp, phân quyền trong bối cảnh số lượng các website/ứng dụng TMĐT và số lượng giao dịch TMĐT trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, việc phân cấp, phân quyền cho địa phương trong xử lý các TTHC thuộc lĩnh vực TMĐT cần được tính đến. Việc phân cấp và phân quyền này đảm bảo việc cải cách hành chính, tăng cường phân cấp quản lý, và cũng nhằm tạo điều kiện để địa phương chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm nhiều hơn trong phát triển và quản lý hoạt động TMĐT.

II. Đề xuất

Trên cơ sở kết luận nêu trên, tại bộ luật chuyên ngành TMĐT, Bộ Công Thương đề xuất các quy định của Chính phủ về TMĐT hiện hành sẽ được luật hoá, đảm bảo đủ tính bao quát, đồng bộ và cập nhật thống nhất với các bộ luật mới được Quốc hội thông qua. Ngoài những nội dung đưa từ Nghị định lên, để hoàn thiện và tăng cường quản lý TMĐT phù hợp với thực tiễn, Bộ Công Thương đề xuất một số nhóm chính sách để khắc phục những hạn chế, tồn tại cho giai đoạn tới như sau:

Chính sách 1: Hoàn thiện quy định và thống nhất các khái niệm về nền tảng số, nền tảng số trung gian trong TMĐT

Chính sách này cần có những quy định cụ thể và làm rõ các khái niệm về "nền tảng số", "nền tảng số trung gian" trong lĩnh vực TMĐT. Các khái niệm này phải đảm bảo phản ánh đầy đủ đặc thù, phương thức hoạt động của từng loại hình TMĐT, và cần thiết phải làm rõ các mô hình hoạt động xuyên biên giới và các nền tảng mạng xã hội. Tại chính sách này sẽ có những quy định phân loại chi tiết các loại hình nền tảng như nền tảng số bán hàng trực tiếp, nền tảng số trung gian TMĐT, nền tảng mạng xã hội có hoạt động TMĐT, livestream bán hàng và các loại hình nền tảng khác, từ đó có cơ chế quản lý và áp dụng chính sách phù hợp với từng loại hình.

Chính sách 2: Quy định các hình thức hoạt động TMĐT, các chủ thể tham gia vào hoạt động TMĐT, quyền và nghĩa vụ liên quan

Trên cơ sở thống nhất các khái niệm về “nền tảng số”, “nền tảng số trung gian”, chính sách này sẽ tập trung quy định làm rõ mô hình hoạt động TMĐT trên các nền tảng đặc thù như mạng xã hội, hoạt động livestream bán hàng, các nền tảng TMĐT xuyên biên giới và các nền tảng đa dịch vụ khác. Nhóm chính sách này sẽ quy định về quyền và trách nhiệm của các bên tham gia mô hình hoạt động TMĐT, trách nhiệm với người tiêu dùng và trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về báo cáo tình hình kinh doanh, hay gỡ bỏ thông tin hàng hoá, dịch vụ trong công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về TMĐT.

Đặc biệt, một nội dung cần thiết và cấp bách trong chính sách này là yêu cầu chủ các nền tảng số trung gian phải thực hiện việc xác thực danh tính của người bán, đảm bảo sự đồng bộ với các quy định tại Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Quy định này nhằm tăng cường tính minh bạch, giúp người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước có thể truy xuất thông tin người bán trong trường hợp xảy ra phản ánh hoặc khiếu nại, đồng thời hạn chế các hành vi gian lận thương mại như lừa đảo, bán hàng giả, hàng nhái hoặc cung cấp thông tin không chính

xác. Mặt khác, quy định này không chỉ bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng mà còn nâng cao trách nhiệm của người bán, đồng thời hỗ trợ hiệu quả công tác giám sát, quản lý và xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước. Đây là bước tiến quan trọng để phát triển thị trường TMĐT minh bạch, lành mạnh và bền vững.

Chính sách 3: Trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ TMĐT

Để đảm bảo hoạt động TMĐT diễn ra minh bạch, Bộ Công Thương đề xuất có Chính sách tập trung vào việc xây dựng các quy định chặt chẽ hơn đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian hỗ trợ hoạt động TMĐT. Các đơn vị này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ kết nối người bán và người mua, cung cấp các công cụ hỗ trợ như dịch vụ thanh toán trực tuyến, tiếp thị liên kết, livestream bán hàng, và vận chuyển hàng hóa.

Nhóm chính sách này cần quy định cụ thể trách nhiệm của các nền tảng cung cấp dịch vụ trung gian trong việc tự vận hành cơ chế giám sát, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trên nền tảng của họ. Đặc biệt là đối với các dịch vụ như livestream, nơi có thể xảy ra những vi phạm liên quan đến quảng cáo sai sự thật, gian lận thương mại, hoặc hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Các nền tảng này cần phải có trách nhiệm trong việc kiểm tra nội dung trước khi phát video, và nếu phát hiện vi phạm, phải gỡ bỏ theo thời gian quy định. Bên cạnh đó, các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian cũng phải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong công tác đấu tranh chống hàng giả và gian lận thương mại. Điều này có thể được thực hiện qua việc hợp tác với các cơ quan chức năng, cung cấp dữ liệu và thông tin có liên quan đến giao dịch thương mại để xác định các hành vi vi phạm; đồng thời, cần có quy định cụ thể về bảo mật thông tin người tiêu dùng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và ngăn ngừa các hành vi lừa đảo.

Chính sách 4: Quy định về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Chính sách này hướng đến việc hoàn thiện các quy định về dịch vụ hỗ trợ cho TMĐT, đặc biệt là dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Mục tiêu là đảm bảo tính pháp lý, an toàn và hiệu quả trong các giao dịch TMĐT, đồng thời tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của thị trường TMĐT Việt Nam. Để đảm bảo sự đồng bộ với các quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023, khái niệm về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử cần được sửa đổi và làm rõ. Cụ thể, dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử không chỉ bao gồm việc xác thực thông tin giữa các bên tham gia giao dịch mà còn phải đáp ứng các yêu cầu về bảo mật, bảo vệ quyền lợi của các bên trong hợp đồng, đồng thời đảm bảo tính hợp pháp và hiệu lực của hợp

đồng điện tử trong môi trường số. Các dịch vụ này phải có khả năng xác minh danh tính, bảo vệ tính toàn vẹn của dữ liệu và đảm bảo quyền riêng tư của các bên tham gia.

Ngoài các quy định về cấp phép về chứng thực, cần xây dựng cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ đối với các dịch vụ hỗ trợ TMĐT. Các dịch vụ này phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định pháp lý, đồng thời được kiểm tra định kỳ để đảm bảo chất lượng và tính hợp pháp của các giao dịch. Cơ quan quản lý nhà nước sẽ có trách nhiệm theo dõi và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ TMĐT, từ đó tạo ra một môi trường giao dịch minh bạch, an toàn và bền vững.

Chính sách 5: Quy định về xây dựng, phát triển TMĐT

Trong bối cảnh TMĐT đang phát triển mạnh mẽ và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế số, nhóm chính sách quan trọng trong đề xuất dự luật chuyên ngành về TMĐT cần có những quy định cụ thể về những chính sách phát triển TMĐT bền vững, thân thiện với môi trường. Chính sách này không chỉ thúc đẩy hoạt động TMĐT mà còn hướng đến các mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển nền kinh tế số theo hướng xanh và bền vững. Cần có những chính sách hỗ trợ TMĐT, ưu tiên các công nghệ xanh và tiết kiệm năng lượng trong các mạng lưới vận chuyển, và kho bãi của các doanh nghiệp TMĐT. Khuyến khích các đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT áp dụng các giải pháp giảm thiểu rác thải như bao nilon, giấy gói hàng, sử dụng vật liệu đóng gói thân thiện với môi trường và tối ưu hóa quy trình vận chuyển để giảm phát thải carbon. Tăng cường khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh, bao gồm việc sử dụng năng lượng tái tạo, tối ưu hóa các quy trình giao dịch và vận hành trên nền tảng TMĐT. Khuyến khích doanh nghiệp TMĐT tích hợp các giải pháp bền vững vào chuỗi cung ứng, bao gồm việc lựa chọn các đối tác vận chuyển và cung cấp sản phẩm phù hợp với tiêu chí bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở đánh giá lộ trình Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn trước 2021-2024, giai đoạn tới, các kế hoạch phát triển TMĐT cần đồng bộ theo hướng phát triển bền vững. Các nhiệm vụ trong Chương trình cần có những nội dung mang tính chất thúc đẩy các sáng kiến bảo vệ môi trường trong hoạt động TMĐT, các tiêu chí đánh giá, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của TMĐT, các tiêu chuẩn xanh cho các sản phẩm và dịch vụ cung cấp trên môi trường TMĐT, cũng như tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cộng đồng người tiêu dùng tham gia vào các hoạt động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường./.